

**PHẦN III. DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU LÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ
NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG AN**

I. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THAM MƯU

II. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

Căn cứ Thông báo về việc tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chúng tôi gồm:

a. Đơn vị đăng ký chủ trì:.....

b. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm (*Cấp bậc, học hàm, học vị nếu có: họ tên*):.....

Chức vụ, đơn vị công tác:

Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ...(1):.....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ gồm:

1. Phiếu đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ;
2. Thuyết minh nhiệm vụ;
3. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ;
4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị đăng ký chủ trì (áp dụng đối với phương thức tuyển chọn);
5. Đề cương thực hiện nhiệm vụ (áp dụng đối với nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp).

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

..., ngày ... tháng... năm

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

(2): V04 (đối với nhiệm vụ cấp bộ)/Đơn vị trực thuộc Bộ, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở).

LÝ LỊCH KHOA HỌC
Cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)...

Đăng ký chức danh Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Đăng ký chức danh Thư ký nhiệm vụ:

Đăng ký chức danh khác trong Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ:

1. Họ và tên:				
2. Ngày/tháng/năm sinh:		Giới tính:		
3. Học hàm (nếu có):		Năm được bổ nhiệm học hàm:		
Học vị (nếu có):		Năm được bổ nhiệm học vị:		
4. Chức vụ:				
5. Địa chỉ nhà riêng:				
6. Điện thoại liên hệ:		Email:		
7. Đơn vị công tác:				
Tên đơn vị:.....				
Địa chỉ đơn vị:.....				
Thủ trưởng đơn vị:Điện thoại liên hệ:.....				
8. Quá trình đào tạo				
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm cấp bằng tốt nghiệp	
9. Quá trình công tác				
Thời gian (Từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Đơn vị công tác	Địa chỉ đơn vị	
10. Các công trình khoa học đã công bố chủ yếu (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu – nếu có)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

11. Các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN – nếu có):			
TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng	
12. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký – nếu có):			
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu – kết thúc)
13. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang chủ trì hoặc tham gia:			
Tên nhiệm vụ KH&CN (ghi rõ chủ trì/tham gia)	Thời gian (bắt đầu – kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng nhiệm vụ (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
14. Giải thưởng (về KH&CN, chất lượng sản phẩm,... liên quan đến nhiệm vụ KH&CN – nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
15. Thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh khác (nếu có):			

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ CÔNG TÁC XÁC NHẬN
Đơn vị đồng ý và bố trí thời gian cần thiết
để ông/bà thực hiện nhiệm vụ KH&CN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..., ngày ... tháng... năm

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN...(1)...
(Dùng cho nhiệm vụ thực hiện theo phương thức tuyển chọn)

1. Tên đơn vị: Năm thành lập: Địa chỉ: Website: Điện thoại: Email: Fax		
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của đơn vị		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	
4. Số cán bộ nghiên cứu của đơn vị trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ:		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ
1	Tiến sĩ	
2	Thạc sĩ	
3	Đại học	
5. Kinh nghiệm và thành tựu khoa học và công nghệ trong 05 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4		
6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ: - Phòng hội thảo, phòng thí nghiệm, nhà xưởng: - Trang thiết bị chủ yếu:		
7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách nhà nước) cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký: - Nguồn tự có: triệu đồng - Nguồn vốn khác: triệu đồng		

..., ngày ... tháng... năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
Phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)...

Kính gửi: ...(2)...

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:.....
2. Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ:
 - Đơn vị chủ trì:.....
 - Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....
3. Đơn vị phối hợp thực hiện:
 - Tên đơn vị:.....
 - Địa chỉ đơn vị:.....
 - Họ và tên thủ trưởng đơn vị:.....
 - Điện thoại:.....
4. Nội dung phối hợp thực hiện (*Ghi rõ nội dung phối hợp trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ*)
Chúng tôi cam kết sẽ hoàn thành nội dung phối hợp thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

..., ngày ... tháng... năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Cấp bộ/cấp cơ sở.
- (2): V04 (đối với nhiệm vụ cấp bộ)/đơn vị chủ quản của đơn vị chủ trì (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG
Thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)...
Số: /...(2).../HDNV...(3)

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư số /2022/TT-BCA ngày / /2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Công an nhân dân; Thông tư số 03/2020/TT-BCA ngày 08/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BCA ngày / / của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt danh mục nhiệm vụ, hoạt động KH&CN độc lập trong Công an nhân dân năm

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

- Do Ông:

- Chức vụ:làm đại diện

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Số tài khoản kho bạc: tại kho bạc Nhà nước.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

a) Đơn vị chủ trì:

- Do Ông:

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Chức vụ, đơn vị công tác:

- Điện thoại

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN ... (1) ... (sau đây viết gọn là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: “.....”, mã số theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ được Bên A phê duyệt. Thuyết minh nhiệm vụ là bộ phận của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng là tháng, từ tháng năm đến tháng năm

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp từ ngân sách nhà nước là: đồng (*Bằng chữ:*).

2. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ trong Thuyết minh nhiệm vụ, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bên B. Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh nhiệm vụ để cấp tiếp kinh phí thực hiện hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh nhiệm vụ;

đ) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo Thuyết minh nhiệm vụ;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

h) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

i) Tiếp nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

k) Hỗ trợ Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh nhiệm vụ;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện nhiệm vụ;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị Bên A điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện quy định hiện hành về đánh giá, nghiệm thu, tiếp thu, hoàn chỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định.

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo dõi với kết quả nghiên cứu theo quy định;

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

p) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ;

q) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

r) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Có căn cứ khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng.

2. Có căn cứ khẳng định nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do đơn vị chủ trì không được cấp đủ kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo tiến độ trong hợp đồng mà không có lý do chính đáng hoặc không được giải quyết kiến nghị, đề xuất theo quy định của pháp luật.

3. Bên B đề nghị dừng thực hiện nhiệm vụ.

4. Bên B không thực hiện quy định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và không có văn bản báo cáo lý do;

5. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu sau khi hết hạn hợp đồng hoặc thời gian được gia hạn hợp đồng và không có văn bản báo cáo lý do;

6. Có căn cứ khẳng định chủ nhiệm nhiệm vụ vi phạm quy định pháp luật về sở hữu, sử dụng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ dẫn đến kết quả đánh giá, nghiệm thu từ mức “Xuất sắc”, “Đạt” bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt”;

7. Nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu ở mức “Không đạt” hoặc được đánh giá, nghiệm thu ở mức “Đạt” nhưng có kết quả thẩm định không đạt yêu cầu;

8. Bên B không thực hiện quy định chỉnh sửa sau nghiệm thu và không có văn bản báo cáo lý do;

9. Bên B không thực hiện quy định đăng ký thông tin nhiệm vụ, đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ và không có văn bản báo cáo lý do;

10. Bên B không thực hiện quy định quyết toán kinh phí, không hoàn trả kinh phí thu hồi thực hiện nhiệm vụ theo thời hạn được thông báo và không có văn bản báo cáo lý do.

11. Bên B vi phạm quy định, nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với trường hợp có căn cứ khẳng định việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng, hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

2. Đối với nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu “Không đạt” hoặc đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ đề nghị dừng thực hiện thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu. Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách Nhà nước phần kinh phí đã sử dụng cho đề tài mà nghiệm thu “Không đạt” là do lỗi chủ quan.

3. Đối với hợp đồng bị chấm dứt do Bên B vi phạm quy định quản lý nhiệm vụ, thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp.

4. Đối với hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Bên A, thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước: Nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực

hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Nếu có sửa đổi, bổ sung phải lập thành Phụ lục Hợp đồng và được coi là căn cứ để đánh giá, nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Trường hợp hai bên không hợp tác để giải quyết vướng mắc, cơ quan quản lý khoa học và công nghệ của Bộ báo cáo lãnh đạo Bộ quyết định. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

(2): Năm ký hợp đồng.

(3): CB (đối với nhiệm vụ cấp bộ)/CS (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở).

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-...(3)...

....., ngày...tháng...năm.....

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(4)...
(Phục vụ báo cáo định kỳ và đột xuất)

Kính gửi: ...(5)...

1	Tên đề tài:	2	Ngày báo cáo: .../.../.....	
	Mã số:		Kỳ báo cáo:.....	
3	Đơn vị chủ trì nhiệm vụ:			
	Chủ nhiệm nhiệm vụ:			
4	Thời gian thực hiện: tháng, từ tháng...../..... đến tháng/.....			
5	Kinh phí được phê duyệt: triệu đồng, trong đó:			
	- Từ ngân sách nhà nước: triệu đồng.			
	- Từ nguồn tự có của tổ chức: triệu đồng.			
	- Từ nguồn tự có của tổ chức: triệu đồng.			
	- Từ nguồn khác: triệu đồng.			
6	Phương thức thực hiện nhiệm vụ: <input type="checkbox"/> Khoán từng phần; <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng			
7	Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ			
	Kế hoạch thực hiện trong Thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt	Kết quả thực hiện (đánh dấu “x”)		
		Hoàn thành	Đang thực hiện	Chưa thực hiện
	7.1. Các nội dung, công việc phải hoàn thành trong kỳ báo cáo			
	7.2. Tổng nội dung, công việc phải hoàn thành từ ngày ký hợp đồng đến kỳ báo cáo			
8	Tự nhận xét và đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu trong kỳ báo cáo (đánh giá các điểm chính về số lượng, chất lượng, tiến độ thực hiện và các vấn đề khác):.....			

9	Tình hình sử dụng kinh phí tính đến ngày báo cáo, cụ thể:	
9.1. Nguồn ngân sách nhà nước	 triệu đồng
9.1.1. Tổng kinh phí được cấp từ đầu đến kỳ báo cáo	 triệu đồng
- Trước kỳ báo cáo:	 triệu đồng
- Trong kỳ báo cáo:	 triệu đồng
9.1.2. Kinh phí đã chi cho các nội dung, công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo:	 triệu đồng
- Phần kinh phí được giao khoán:	 triệu đồng
- Kinh phí không giao khoán:	 triệu đồng
9.1.3. Kinh phí đã ứng chi cho các nội dung, công việc đang triển khai:	 triệu đồng
9.1.4. Kinh phí chưa sử dụng:	 triệu đồng
9.1.5. Kinh phí đã được đơn vị quản lý kinh phí kiểm tra xác nhận quyết toán từ đầu đến kỳ báo cáo:		
- Kinh phí đã quyết toán:	 triệu đồng
- Kinh phí được giao khoán:	 triệu đồng
- Kinh phí không được giao khoán:	 triệu đồng
9.1.6. Kinh phí đề nghị xác nhận quyết toán trong kỳ báo cáo:	 triệu đồng
9.2. Từ nguồn tự có của tổ chức	 triệu đồng
9.3. Nguồn khác:	 triệu đồng
10	Kinh phí mua sắm/thuê tài sản, thiết bị trong kỳ báo cáo: triệu đồng.
11	Những vấn đề tồn tại cần giải quyết:	
12	Dự kiến trong công việc cần triển khai tiếp trong kỳ tới:	
13	Kiến nghị:	

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

(Kèm theo Thông tư số 20 /2022/TT-BCA ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN...(1)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HỌP

**Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu
kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN...(1)...**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN, mã số, đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thành phần:

Thành viên Hội đồng theo Quyết định số..... /QĐ-... ngày..... của..... về việc thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu, trong đó có...../..... thành viên dự họp, có/.... thành viên vắng,

gồm:.....

- Đại biểu khách mời:

.....

- Thư ký hành chính:

3. Thời gian: Từ giờ.....ngày...../...../.....

4. Địa điểm:

.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Ủy viên Thư ký công bố Quyết định thành lập Hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng thông qua trình tự, thủ tục, phương thức, chương trình làm việc của Hội đồng và điều hành phiên họp.

3. Đại diện Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Thành viên Hội đồng nhận xét, thảo luận và nêu câu hỏi (nếu có) Đại diện Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi (nếu có).

5. Đại diện đơn vị chủ trì nhiệm vụ phát biểu ý kiến.

6. Hội đồng họp nội bộ, thảo luận và bỏ phiếu đánh giá

6.1. Hội đồng cử Ban kiểm phiếu, gồm:

- Trưởng ban:

- Thành viên:

6.2. Kết quả kiểm phiếu đánh giá: Có Biên bản kiểm phiếu kèm theo.

7. Kết luận, kiến nghị của Hội đồng

7.1. Kết luận về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại, chất lượng sản phẩm theo đặt hàng và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của kết quả thực hiện nhiệm vụ; thời gian nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu; kết quả đánh giá xếp loại chung.

7.2. Kiến nghị về những vấn đề cần chỉnh sửa (nếu có); đề nghị nghiệm thu các sản phẩm đáp ứng yêu cầu đặt hàng; kiến nghị chuyển giao, sử dụng, công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Biên bản họp được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua và không ai có ý kiến khác. Cuộc họp kết thúc vàogiờ.....phút cùng ngày./.

ỦY VIÊN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

.....,

ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

(Kèm theo Thông tư số 20 /2022/TT-BCA ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN...(1)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT
Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN...(1)...**

Thành viên Hội đồng (cấp bậc, học hàm, học vị nêu có; họ tên):
Cương vị trong Hội đồng:

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mã số
- 2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- 3. Đơn vị chủ trì:.....
- 4. Thời hạn hợp đồng:tháng, từ tháng ... nămđến tháng năm.....
- 5. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu:

II. NỘI DUNG NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

- 1. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (*Nhận xét cụ thể chi tiết về mức độ khoa học, logic, rõ ràng của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt trong sử dụng thuật ngữ, văn phong, cách phân tích, lập luận, cấu trúc nội dung, tính xác thực cập nhật số liệu và các nguồn tư liệu...; tổng quan các vấn đề liên quan nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại, độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, giá trị thực tiễn, lý luận và dự kiến triển vọng tác động kinh tế, xã hội từ kết quả nghiên cứu; mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo, nhận xét, chỉ rõ hạn chế, không đạt yêu cầu và vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung...):.....*
- 2. Chứng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm nhiệm vụ so với đặt hàng (*Căn cứ vào yêu cầu đặt hàng để phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại, số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết; phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan*):
.....
- 3. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ (Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu):
- 4. Kiến nghị
 - a) Đề nghị Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm:
 - b) Đề nghị Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đề xuất địa chỉ tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ (Nêu cụ thể nội dung kết quả nghiên cứu tên sản phẩm sẽ chuyển giao đến những cơ quan, địa chỉ áp dụng cụ thể):.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN...(1)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT
Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN...(1)...**

Thành viên Hội đồng (cấp bậc, học hàm, học vị nêu có; họ tên):

Cương vị trong Hội đồng:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mã số
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
3. Đơn vị chủ trì:
4. Thời hạn hợp đồng:tháng, từ tháng ... nămđến tháng năm.....
5. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu:

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt (đánh dấu X vào ô)

Xuất sắc

Đạt

Không đạt

2. Đánh giá về chủng lượng, số lượng, khối lượng sản phẩm khác (*Xuất sắc và đạt khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng trở lên; Không đạt: khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng*)

TT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng sản phẩm					Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá)
		Theo hợp đồng	Thực tế đạt được	Kết quả đánh giá			
				Xuất sắc	Đạt	Không đạt	

3. Đánh giá về chất lượng sản phẩm khác (*Xuất sắc: khi vượt mức so với đặt hàng. Đạt khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; Không đạt: khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng*)

TT	Tên sản phẩm	Số lượng, khối lượng sản phẩm					Ghi chú (Giải thích về kết quả đánh giá)
		Theo hợp đồng	Thực tế đạt được	Kết quả đánh giá			
				Xuất sắc	Đạt	Không đạt	

4. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu (đánh dấu X vào ô):

Nộp trước/đúng hạn hợp đồng:

Nộp chậm dưới 06 tháng hạn hợp đồng

Nộp chậm trên 06 tháng hạn hợp đồng

III TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ XẾP LOẠI (đánh dấu X vào ô):

1. Xuất sắc ¹ (Đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt được đánh giá ở mức “Xuất sắc” tất cả các tiêu chí về số lượng, khối lượng chất lượng, chủng loại sản phẩm khác được đánh giá “Đạt” trở lên và có hồ sơ đề nghị nghiệm thu nộp trước/đúng hạn hợp đồng hoặc trong thời gian được gia hạn nhưng không quá 06 tháng)	<input type="checkbox"/>
2. Đạt (Đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt được đánh giá ở mức “Đạt” trở lên; tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về số lượng khối lượng sản phẩm ở mức “đạt” trở lên, trong đó những sản phẩm không đạt về số lượng, khối lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với hợp đồng; trong thời gian được gia hạn)	<input type="checkbox"/>
3. Không đạt (Không thuộc hai trường hợp trên)	<input type="checkbox"/>

IV. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ KHÁC (nếu có):.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Trong đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp bộ, kết quả được đánh giá theo 02 mức: “Đạt”, “Không đạt” (không có mức “Xuất sắc”).

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

(Kèm theo Thông tư số 20 /2022/TT-BCA ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN...(1)...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT
Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN...(1)...**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mã số
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
3. Đơn vị chủ trì:.....

II. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

II. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ:

1. Số phiếu phát ra:.....
2. Số phiếu thu về:.....
3. Số phiếu hợp lệ:.....
4. Số phiếu không hợp lệ:.....

TT	Họ và tên Thành viên Hội đồng	Kết quả đánh giá			Ghi chú
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	
...				
	Tổng số				

III. XẾP LOẠI ĐÁNH GIÁ (đánh dấu X vào ô):

Xuất sắc (Nhiệm vụ được ít nhất 3/4 thành viên hội đồng dự họp nhất trí đánh giá mức "Xuất sắc" và không có thành viên đánh giá ở mức "Không đạt")	<input type="checkbox"/>
Đạt (Không thuộc hai trường hợp còn lại)	<input type="checkbox"/>
Không đạt (Nhiệm vụ được từ 1/3 số thành viên hội đồng dự họp trở lên đánh giá mức "Không đạt")	<input type="checkbox"/>

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Cấp bộ/cấp cơ sở.

¹ Trong đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp bộ, kết quả được đánh giá theo 02 mức: "Đạt", "Không đạt" (không có mức "Xuất sắc").

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Tiếp thu, chỉnh sửa kết quả thực hiện
nhiệm vụ KH&CN ...(3)... sau nghiệm thu**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mã số, đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ.
2. Ngày họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu Hội đồng theo Quyết định số/QĐ-.....ngày ../.../..... của ...(2)...:/...../.....

.. .

II. NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

1. Những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung mới

TT	Kết luận của Hội đồng	Nội dung tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung mới	Trang

2. Những nội dung đề nghị bảo lưu hoặc chưa chỉnh sửa được

TT	Kết luận của Hội đồng	Nội dung đề nghị bảo lưu hoặc chưa chỉnh sửa được	Giải trình lý do	Trang

III. KIẾN NGHỊ (nếu có):

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Trong trường hợp Biên bản họp Hội đồng có ghi rõ thành viên Hội đồng được phân công thẩm định, xác nhận việc tiếp thu, chỉnh sửa kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau nghiệm thu.

(Kèm theo Thông tư số 20 /2022/TT-BCA ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ

Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)...

Số:(2).....(3)..... BBTL

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013,
- Căn cứ Thông tư số/2022/TT-BCA ngày .../.../2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN trong Công an nhân dân;
.....(4)... giữa
- Căn cứ Hợp đồng số(4).../HĐĐT...(5)... ngày(4)....giữa ...(6)... và ...(7)... về việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)..... mã số.....;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đề tài ngày/...../..... (Hội đồng được thành lập theo Quyết định số của ...(6)...) và Thông báo số/TB-..... ngày của ...(8).... về việc phê duyệt quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN,

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): ...(6)...

- Do:.....
- Chức vụ:..... - làm đại diện
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

- a) Đơn vị chủ trì: ...(7)...
- Do:
 - Chức vụ:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:.....

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Chức vụ:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất thanh lý Hợp đồng số

.../...(4).../HĐĐT...(5)... ngày.../.../....

.....(4).... với các điều khoản sau:

Điều 1: Xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ...(1)...

1. Bên B đã triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN(1)..... “.....
.....”, mã số theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ đã được Bên A phê duyệt

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là ... tháng, từ tháng đến tháng.../.....

2. Bên A đã tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ vào ngày//..... theo Quyết định sốQĐ-..... ngày.../.../..... của ...(6)...

Nhiệm vụ được nghiên cứu và nghiệm thu đúng quy định, kết quả nghiệm thu xếp loại
Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ đã tiếp thu, chỉnh sửa kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo
kết luận của Chủ tịch Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu.

3. Bên B đã chuyển Bên A các sản phẩm của nhiệm vụ gồm (liệt kê chi tiết các sản phẩm).
4. Bên A giao cho Bên B lưu giữ, quản lý các kết quả khác của nhiệm vụ và có trách nhiệm xuất trình khi cấp có thẩm quyền yêu cầu.
5. Tồn tại (ghi rõ vấn đề tồn tại nếu có):.....

Điều 2. Xử lý tài chính của nhiệm vụ

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là đồng (Bằng chữ:).
2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán làđồng (Bằng chữ: ...).
3. Kinh phí Bên B đã hoàn trả ngân sách nhà nước (nếu có) là: ...đồng (Bằng chữ:).

Điều 3. Xử lý tài sản của nhiệm vụ

Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm bàn giao tài sản được mua bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ cho đơn vị chủ trì để quản lý, sử dụng và xuất trình khi cấp có thẩm quyền yêu cầu.

Hai Bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số(4)...HĐĐT..(5) ngày(4)..... Trách nhiệm của Bên A và Bên B trong việc thực hiện Hợp đồng trên đến đây chấm dứt.

Nội dung biên bản đã được thông qua trước các Bên tham gia và không ai có ý kiến gì thêm. Biên bản này gồm (số bằng chữ) trang, được làm thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Cấp bộ/cấp cơ sở.
- (2): Năm ký kết biên bản thanh lý.
- (3): Phiên hiệu hoặc viết tắt của đơn vị đặt hàng.
- (4): Năm ký kết hợp đồng.
- (5): CB (đối với nhiệm vụ cấp bộ)/CS (đối với nhiệm vụ cấp cơ sở),
- (6): Đơn vị đặt hàng.
- (7): Đơn vị chủ trì.
- (8): Đơn vị có thẩm quyền phê duyệt quyết toán kinh phí.

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÁC HỆ THỐNG KỸ THUẬT

IV. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU, KÊ KHAI
HẰNG NĂM, KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP ...⁽¹⁾
(Ngày..... tháng..... năm.....)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: ngày
cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc⁽⁴⁾:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày
cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày
cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.</p>			
--	--	--	--

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hằng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất (m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

- (12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...
- (13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.
- (14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.
- (15) Ghi tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.
- (16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.
- (17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.
- (18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.
- (19) Rừng sản xuất là rừng trồng.
- (20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.
- (21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.
- (22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.
- (23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...
- (24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.
- (26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.
- (27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).
- (28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

(29) Khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m² tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m ²	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m ²	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập

ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thừa đất B được 4.000 triệu

MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
(Ngày.....tháng.....năm.....) ⁽¹⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Chức vụ/chức danh công tác:

- Cơ quan/đơn vị công tác:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: ngày cấp..... nơi cấp

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc⁽⁴⁾:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁾ /giảm ⁽⁴⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:</p> <p>1.1. Đất ở</p> <p>1.2. Các loại đất khác</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất:</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p>			

<p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai ⁽⁵⁾.</p>			
---	--	--	--

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽⁶⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:
- Loại nhà⁽¹⁴⁾:
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

..... ngày...tháng...năm....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày...tháng...năm....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG

- (1) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.
- (2) Ghi như phần thông tin chung trong Mẫu bản kê khai tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.
- (3) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.
- (4) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.
- (5) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem ví dụ tại điểm 32 phần hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này).
- (6) Ghi như mục II “Thông tin mô tả về tài sản” theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.

(ĐƠN VỊ)

.....

Mẫu số: 01B-HSB

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT HƯỞNG CHẾ ĐỘ, ỐM ĐAU, THAI SẢN, DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE
Đợt.....tháng.....năm.....

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Số ngày nghỉ được tính hưởng trợ cấp			Thông tin về tài khoản nhận trợ cấp	Ghi chú
			Từ ngày	Đến ngày	Tổng số		
A	B	1	2	3	4	C	D
A	CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU						
I	Ốm thường						
1							
...							
II	Ốm dài ngày						
1							
...							
III	Con ốm						
1							
...							
B	CHẾ ĐỘ THAI SẢN						
I	Khám thai						
1							
...							

II	Sảy thai, nạo hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý						
-	<i>Trường hợp thai dưới 5 tuần tuổi</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp thai từ 25 tuần tuổi trở lên</i>						
1							
...							
III	Sinh con						
-	<i>Trường hợp thông thường</i>						
+	Sinh một con						
1							
...							
+	Sinh đôi						
1							
...							
+	Sinh từ 3 con trở lên						
1							
...							

-	<i>Trường hợp con chết</i>						
+	Tất cả các con sinh ra đều chết (bao gồm trường hợp sinh một con con chết, sinh từ 2 con trở lên 2 con cùng chết hoặc con chết trước, con chết sau)						
●	Con dưới 2 tháng tuổi chết						
1							
...							
●	Con từ 02 tháng tuổi trở lên chết						
1							
...							
+	Sinh từ 02 con trở lên mà vẫn có con còn sống						
1							
...							
-	<i>Trường hợp mẹ chết sau khi sinh (khoản 4 Điều 34, khoản 6 Điều 34)</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp mẹ gặp rủi ro sau khi sinh (khoản 6 Điều 34)</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp mẹ phải nghỉ dưỡng thai (Khoản 3 Điều 31)</i>						

1							
...							
IV	Nhận nuôi con nuôi						
-	<i>Trường hợp thông thường</i>						
+	Nhận nuôi 1 con						
1							
...							
+	Nhận nuôi từ 2 con trở lên						
1							
....							
-	<i>Trường hợp NLD nhận nuôi con nuôi nhưng không nghĩ việc</i>						
1							
...							
V	Lao động nữ mang thai hộ sinh con						
-	<i>Trường hợp thông thường</i>						
+	Sinh một con						
1							
...							
+	Sinh đôi						
1							
...							
+	Sinh từ 3 con trở lên						
1							
...							
-	<i>Trường hợp đưa trẻ chết</i>						
+	Tính đến thời điểm giao đưa trẻ, đưa trẻ chết						

•	<i>Đứa trẻ dưới 60 ngày tuổi chết</i>						
1							
...							
•	<i>Đứa trẻ từ 60 ngày tuổi trở lên chết</i>						
1							
...							
+	Trường hợp sinh từ 2 đứa trẻ trở lên vẫn có đứa trẻ còn sống						
•							
...							
VI	Người mẹ nhờ mang thai hộ nhận con						
-	<i>Trường hợp thông thường</i>						
+	Nhận một con						
1							
...							
+	Nhận 2 con						
1							
...							
+	Nhận từ 3 con trở lên						
1							
...							
-	<i>Trường hợp con chết</i>						
+	Sau khi nhận con, con chết						
•	<i>Con dưới 2 tháng tuổi chết</i>						
1							
...							

●	<i>Con từ 02 tháng tuổi trở lên chết</i>						
1							
...							
+	<i>Sinh từ 02 con trở lên mà vẫn có con còn sống</i>						
1							
...							
-	<i>Người mẹ nhờ mang thai hộ chết hoặc gặp rủi ro không còn đủ sức khỏe để chăm sóc con</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ không nghỉ việc</i>						
VII	Lao động nam, người chồng của lao động nữ mang thai hộ nghỉ việc khi vợ sinh con						
-	<i>Trường hợp sinh thông thường</i>						
1							
...							
-	<i>Trường hợp sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi</i>						
1							
...							
-	<i>Sinh đôi</i>						
1							

...							
-	<i>Sinh từ 3 con trở lên</i>						
1							
...							
-	<i>Sinh đôi trở lên phải phẫu thuật</i>						
1							
...							
VIII	Lao động nam, người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ hưởng trợ cấp một lần khi vợ sinh con, nhận con						
1							
...							
IX	Thực hiện các biện pháp tránh thai						
-	<i>Đặt vòng tránh thai</i>						
1							
...							
-	<i>Thực hiện biện pháp triệt sản</i>						
1							
...							
	Cộng						
C	NGHỈ DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE						
I	Ôm đau						
1							
...							
II	Thai sản						
1							
...							

III	TNLD-BNN						
1							
...							
	Cộng						

*Giải trình trong trường hợp nộp hồ sơ chậm:.....

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

III	Con ốm								
1									
...									
	Cộng								
B	CHẾ ĐỘ THAI SẢN								
I	Khám thai								
1									
...									
	Cộng								
II	Sảy thai, nạo hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý								
-	<i>Trường hợp thai dưới 5 tuần tuổi</i>								
1									
...									
-	<i>Trường hợp thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi</i>								
1									
...									
-	<i>Trường hợp thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi</i>								
1									
...									
-	<i>Trường hợp thai từ 25</i>								

	<i>tuần tuổi trở lên</i>								
1									
...									
	Cộng								
III	Sinh con								
-	<i>Trường hợp thông thường</i>								
+	Sinh một con								
1									
...									
+	Sinh đôi								
1									
...									
+	Sinh từ 3 con trở lên								
1									
...									
-	<i>Trường hợp con chết</i>								
+	Tất cả các con sinh ra đều chết (bao gồm trường hợp sinh một con con chết, sinh từ 2 con trở lên 2 con cùng chết hoặc con chết trước, con chết sau)								
•	Con dưới 2 tháng tuổi chết								
1									
...									
•	Con từ 02 tháng tuổi trở lên chết								

	<i>sản</i>								
1									
...									
	Cộng								
C	NGHỈ DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE								
I	Ốm đau								
1									
...									
II	Thai sản								
1									
...									
III	TNLD-BNN								
1									
...									
	Cộng								
	Tổng cộng số phát sinh								

Mục 2: DANH SÁCH CHƯA ĐƯỢC DUYỆT

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Lý do chưa giải quyết	Ghi chú
A	B	C	D	E
A	CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU			
I	Bản thân ốm thường			
1				
...				
II	...			

B	CHẾ ĐỘ THAI SẢN			
...				
C	DUỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE			
	...			
	Cộng			

Mục 3: DANH SÁCH CHƯA ĐIỀU CHỈNH

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Lý do chưa điều chỉnh	Ghi chú
A	B	C	D	E
A	CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU			
I	Ốm thường			
1				
...				
II	...			
B	CHẾ ĐỘ ...			
...				
	Cộng			

PHẦN C: SỐ ĐIỀU CHỈNH

1. Số tiền duyệt mới: đồng
2. Số tiền được cấp bổ sung sau khi điều chỉnh: đồng
- TỔNG CỘNG (1+2):** đồng
- (Viết bằng chữ: đồng)
3. Số tiền phải thu hồi sau khi điều chỉnh:
- (Viết bằng chữ: đồng)

....., ngày tháng năm

CÁN BỘ XÉT DUYỆT*(ký, họ tên)***PHỤ TRÁCH CHẾ ĐỘ BHXH***(ký, họ tên)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 01: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động

.....(3)

Căn cứ Thông tư số 51/2019/TT-BCA ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khai báo tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động và bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Công an nhân dân;

Xét đề nghị của(4).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động gồm các đồng chí có tên dưới đây:

1. Đồng chí.....cấp bậc:.....chức vụ:....., đơn vị....., Trưởng đoàn
2. Đồng chí.....cấp bậc:.....chức vụ:....., đơn vị....., Phó Trưởng đoàn
3. Đồng chí.....cấp bậc:.....chức vụ:....., đơn vị....., Thành viên
4.

Điều 2. Đoàn điều tra tai nạn lao động có trách nhiệm tiến hành điều tra vụ tai nạn lao động xảy ra hồi ... giờ... phút, ngày... tháng... năm... tại.....

Điều 3. Các đồng chí có tên ghi tại Điều 1,...(4), thủ trưởng đơn (có người lao động bị tai nạn lao động) và các cá nhân có liên quan đến vụ tai nạn lao động chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu CAT(PX01).

(3)

(Ký, ghi rõ cấp bậc hàm, họ tên, đóng dấu)

**ĐOÀN ĐIỀU TRA
TAI NẠN LAO ĐỘNG...**

Mẫu số 02: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA LAI NẠN LAO ĐỘNG

1. Thành phần đoàn điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người)

.....
.....

2. Tham dự điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

.....
.....

3. Sơ lược lý lịch của người bị nạn:

3.1 Họ tên:.....; Giới tính: Nam/nữ

- Ngày, tháng, năm sinh:.....l.....

- Cấp bậc:.....; chức vụ.....

- Đơn vị công tác.....

3.2.....

4. Thông tin về vụ tai nạn:

- Ngày, giờ xảy ra tai nạn: Vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....;

- Nơi xảy ra tai nạn:.....

5. Diễn biến của vụ tai nạn:.....
.....
.....

6. Nguyên nhân gây ra tai nạn: (phải xác định rõ tai nạn lao động xảy ra do một trong các nguyên nhân sau: Lỗi của người sử dụng lao động; lỗi của người lao động; lỗi của cả người lao động và người sử dụng lao động; nguyên nhân khác không phải lỗi của người lao động và người sử dụng lao động).

7. Kết luận về vụ tai nạn: (phải xác định rõ vụ tai nạn đó là một trong các trường hợp sau: Tai nạn lao động; tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật An toàn, vệ sinh lao động; không phải là tai nạn lao động).

8. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:.....

9. Biện pháp ngăn ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn:.....

10. Tình trạng thương tích: chết hoặc bị thương (ghi vị trí vết thương theo phụ lục danh mục các trần thương):.....

11. Nơi điều trị và biện pháp xử lý ban đầu:.....

12. Thiệt hại do tai nạn lao động và chi phí đã thực hiện:

- Chi phí do Công an đơn vị, địa phương trả (nếu có)”

Tổng số:.....đồng, trong đó:

+ Chi phí y tế:..... đồng;

+ Trả lương trong thời gian điều trị:..... đồng;

+ Bồi thường hoặc trợ cấp:.....đồng;

- Thiệt hại tài sản/ thiết bị:.....đồng

**CÁC THÀNH VIÊN KHÁC
CỦA ĐOÀN ĐIỀU TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

**NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ
ĐIỀU TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐOÀN ĐIỀU TRA
TAI NẠN LAO ĐỘNG...**

Mẫu số 03: Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2019/TT-BCA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN CUỘC HỌP
CÔNG BỐ ĐIỀU TRA LAI NẠN LAO ĐỘNG

Vào hồi... giờ... phút, ngày.... tháng... năm.....

Tại:.....

Đoàn điều tra tai nạn lao động..... tiến hành cuộc họp tổ chức công bố biên bản điều tra tai nạn lao động.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP GỒM CÓ

1. Thành phần đoàn điều tra (họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng người):

.....

2. Đại diện Công an đơn vị, địa phương có người lao động bị tai nạn lao động:

.....

3. Cơ quan chức năng (nếu có).....

4. Người lao động bị tai nạn lao động hoặc thân nhân:.....

5. Đơn vị, cá nhân có liên quan:.....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

.....

.....

.....

Cuộc họp kết thúc vào hồi... giờ... phút cùng ngày. Biên bản đã được đọc lại cho các thành phần dự họp nghe và cùng ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CÔNG AN ĐƠN VỊ ĐỊA PHƯƠNG <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	TRƯỞNG ĐOÀN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))</i>
THÀNH VIÊN CỦA ĐOÀN ĐIỀU TRA <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	CÁN BỘ GHI BIÊN BẢN <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

II. CHẾ ĐỘCỦA ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ) (1).....

Mục II thể hiện thông tin xét duyệt khi giải quyết chế độ nào thì hiển thị lên mục này chế độ đó, cụ thể như sau:

II. CHẾ ĐỘ NẠN LAO ĐỘNG(TNLĐ)/BỆNH NGHỀ NGHIỆP(BNN) HÀNG THÁNG CỦA ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ) (1)

1. Thời gian đóng BHXH tính đến ngày..... tháng năm là năm tháng, trong đó thời gian đóng BHXH được tính hưởng chế độ TNLĐ/BNN (5) là năm tháng

2. Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp:..... đồng

3. Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động %

4. Mức trợ cấp

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ:

$$0,3 \times L_{\min} + (m - 31) \times 0,02 \times L_{\min} = \dots\dots\dots \text{đồng}$$

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng BHXH:

$$0,005 \times L + (t - 1) \times 0,003 \times L = \dots\dots\dots \text{đồng}$$

c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có):..... đồng

Tổng số tiền trợ cấp hàng tháng (a + b + c): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

II. CHẾ ĐỘ NẠN LAO ĐỘNG/BỆNH NGHỀ NGHIỆP MỘT LẦN CỦA ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ) (1).....

1. Thời gian đóng BHXH tính đến ngày..... tháng năm là năm tháng, trong đó thời gian đóng BHXH được tính hưởng chế độ TNLĐ/BNN là năm tháng

2. Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp:..... đồng

3. Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động%

4. Mức trợ cấp TNLĐ/BNN

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ:

$$5 \times L_{\min} + (m - 5) \times 0,5 \times L_{\min} = \dots\dots\dots \text{đồng}$$

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng BHXH:

$$0,5 \times L + (t - 1) \times 0,3 \times L = \dots\dots\dots \text{đồng}$$

Tổng số tiền trợ cấp TNLĐ/ BNN một lần (a + b):

...đồng

(Số tiền bằng chữ:)

II. CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ CỦA ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ) (1)

1. Thời gian đóng BHXH được tính hưởng lương hưu tính đến ngày..... tháng năm bằng năm tháng, trong đó:.....năm tháng đóng BHXH bắt buộc.

Thời gian đóng BHXH bắt buộc có:

- Thời gian công tác ở chiến trường B, C, K: ... năm tháng
- Thời gian làm việc được tính thâm niên nghề: ... năm ... tháng
- Thời gian làm nghề hoặc công việc NN, ĐH, NH: ... năm tháng
- Thời gian làm nghề hoặc công việc đặc biệt NN, ĐH, NH: ... năm tháng
- Thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp KV hệ số 0,7 trở lên: ... năm tháng
- Thời gian làm công việc khai thác than trong hầm lò: ... năm tháng

2. Tính mức bình quân tiền lương, thu nhập tháng hoặc bình quân tiền lương và thu nhập tháng để tính hưởng chế độ hưu trí (BQTLTN):.....đồng

(diễn giải cách tính.....
.....)

3. Tính tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng: %

(diễn giải cách tính.....
.....)

4. Mức lương hưu:

a. Lương hưu hàng tháng:

BQTLTN (khoản 2) x tỷ lệ % (khoản 3) = đồng

b. Mức bù bằng mức lương cơ sở (nếu có):đồng

c. Mức điều chỉnh (nếu có): đồng

d. Trợ cấp khác (nếu có): đồng

Tổng mức lương hưu hàng tháng (a + b + c + d):đồng

(Số tiền bằng chữ:)

5. Trợ cấp một lần

a. Mức trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (nếu có):

BQTLTN (khoản 2) x số năm đóng BHXH x 0,5 =đồng

b- Mức trợ cấp khu vực một lần (nếu có): đồng

(diễn giải cách tính.....
.....)

Tổng cộng trợ cấp một lần (a + b):đồng

(Số tiền bằng chữ:)

II. CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI MỘT LẦN CỦA ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ)

(1).....

1. Thời gian đóng BHXH được tính hưởng BHXH một lần tính đến ngày. . . tháng. . . năm . . . bằng.... năm tháng, trong đó có.....năm tháng đóng BHXH bắt buộc, chia ra:

1.1. Thời gian đóng BHXH trước năm 2014: năm tháng

1.2. Thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi:năm tháng

2. Tính mức bình quân tiền lương, thu nhập tháng hoặc bình quân tiền lương và thu nhập tháng để tính hưởng BHXH một lần (BQTLTN):..... đồng
(diễn giải cách tính.....)

3. Mức hưởng:

a. Mức hưởng BHXH một lần:

a1. Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH trước năm 2014:

BQTLTN (khoản 2) x số năm (điểm 1.1) x 1,5 =đồng

a2. Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi:

BQTLTN (khoản 2) x số năm (điểm 1.2) x 2 =đồng

(diễn giải cách tính a1 và a2.....)

b. Mức trợ cấp khu vực một lần (nếu có): đồng

(diễn giải cách tính.....)

Tổng cộng (a1 + a2 + b):đồng

(Số tiền bằng chữ:)

II. CHẾ ĐỘ TUẤT HÀNG THÁNG CỦA THÂN NHÂN ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ)

(1).....

1. Thời gian đóng BHXH được tính hưởng chế độ tuất hàng tháng tính đến ngày . . . tháng. . . năm . . . bằng. . . nămtháng, trong đó có năm tháng đóng BHXH bắt buộc

2. Mức hưởng:

a. Những người có tên dưới đây được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng theo mức quy định:

1/. Sinh ngày . . . tháng . . năm . . là

2/. Sinh ngày . . . tháng . . năm . . là

3/. Sinh ngày . . . tháng . . năm . . là

4/. Sinh ngày . . . tháng . . năm . . là

b. Trợ cấp mai táng:đồng x tháng =đồng

c. Trợ cấp chết do TNLĐ, BNN (nếu có):đồng xtháng =đồng

d. Trợ cấp khu vực một lần (nếu có): đồng

(diễn giải cách tính.....)

.....)

II. CHẾ ĐỘ TUẤT MỘT LẦN CỦA THÂN NHÂN ĐỒNG CHÍ (ÔNG/BÀ)

(1).....

1. Thời gian đóng BHXH được tính hưởng chế độ tuất một lần tính đến ngày. . . tháng. . . năm . . . bằng. . . năm ... tháng, trong đó có.....năm tháng đóng BHXH bắt buộc, chia ra:

1.1. Thời gian đóng BHXH trước năm 2014: năm tháng

1.2. Thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi:năm tháng

2. Tính mức bình quân tiền lương, thu nhập tháng hoặc bình quân tiền lương và thu nhập tháng để tính trợ cấp tuất một lần (BQTLTN):.....đồng

(diễn giải cách tính.....)

3. Mức hưởng:

a. Trợ cấp tuất một lần:

a1. Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH trước năm 2014:

BQTLTN (khoản 2) x số năm (điểm 1.1) x 1,5 =đồng

a2. Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi:

BQTLTN (khoản 2) x số năm (điểm 1.2) x 2 =đồng

(diễn giải cách tính a1 và a2.....)

Tổng số tiền trợ cấp (a1 + a2):đồng

(Số tiền bằng chữ:)

b. Trợ cấp mai táng:đồng x tháng =đồng

c. Trợ cấp chết do TNLĐ, BNN (nếu có):đồng x tháng =đồng

d. Mức trợ cấp khu vực một lần (nếu có): đồng

(diễn giải cách tính.....)

Tổng số tiền trợ cấp (a1 + a2 + b + c + d):..... đồng

(Số tiền bằng chữ:)

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÉT DUYỆT CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TUQ. GIÁM ĐỐC BHXH CAND

TRƯỞNG PHÒNG BHXH CAND

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp Bản quá trình có từ 02 tờ trở lên thì phải đánh số trang, hiển thị mã số BHXH phía trên góc phải từ tờ thứ 02 trở đi và thực hiện đóng dấu giáp lai.

- (1): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì ghi là “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì ghi là “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”; Đối với đối tượng bị kỷ luật tước danh hiệu Công an nhân dân thì không thể hiện:

- (2): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

- (3): Ghi địa chỉ nơi cư trú khi hưởng chế độ đến cấp phường, xã.

- (4) Ghi thời gian đóng BHXH một lần: thời gian đóng BHXH bắt buộc một lần cho thời gian còn thiếu, đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu, đóng BHXH một lần cho những năm về sau (nếu có).

Mẫu số 03A-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị TNLĐ (3):

Đơn vị công tác:(4)

Bị tai nạn lao động ngày

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày.../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp tai nạn lao động:đồng

Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động %

Được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng từ tháng.....năm

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có): đồng

Tổng số tiền trợ cấp hằng tháng (a+b+c): đồng

(Số tiền bằng chữ:))

d. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....
Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà)(3)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động của đồng chí (ông/bà).....(3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị TNLĐ (3):

Đơn vị công tác:(4)

Bị tai nạn lao động ngày

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày.../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp tai nạn lao động:đồng

Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động %

Được hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần.

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

Tổng số tiền trợ cấp một lần (a+b): đồng

(Số tiền bằng chữ:))

c. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà)(3)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(*ký, đóng dấu*)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ” ; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03C-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp hằng tháng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ bệnh nghề nghiệp của đồng chí (ông/bà).....(3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị BNN (3):

Đơn vị công tác:(4)

Bị bệnh nghề nghiệp ngày

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày...../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp bệnh nghề nghiệp:đồng

Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động %

Được hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp hằng tháng từ tháng.....năm

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có): đồng

Tổng số tiền trợ cấp hằng tháng (a+b+c): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

d. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHHX CAND.

GIÁM ĐỐC

(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ” ; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03D-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp một lần

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ bệnh nghề nghiệp của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị BNN (3):

Đơn vị công tác:(4)

Bị bệnh nghề nghiệp ngày

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày.../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp bệnh nghề nghiệp:đồng

Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động %

Được hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp một lần.

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

Tổng số tiền trợ cấp một lần (a+b): đồng

(Số tiền bằng chữ:))

c. Mức phí giám định y khoa được hưởng:..... đồng

- Nơi nhận:.....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà)(3) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(*ký, đóng dấu*)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng do vết thương tái phát
GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....
Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị TNLĐ (3):
Đơn vị công tác:(4)
Bị tai nạn lao động ngày tháng năm với mức suy giảm KNLĐ là:%
Nay thương tật tái phát, giám định lại mức suy giảm KNLĐ là %
Được hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng do thương tật tái phát từ tháng...năm...

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

- a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng
 - b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng
 - c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có): đồng
- Tổng số tiền trợ cấp hàng tháng (a+b+c): đồng
(Số tiền bằng chữ:)

d. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03G-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần do vết thương tái phát

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....
Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị TNLĐ (3):
Đơn vị công tác:(4)
Bị tai nạn lao động ngày tháng năm với mức suy giảm KNLĐ là:%
Nay thương tật tái phát, giám định lại mức suy giảm KNLĐ là %
Được hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần do thương tật tái phát.

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

- a. Mức chênh lệch trợ cấp được hưởng: (Mức tính theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ mới – Mức trợ cấp theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ cũ) = đồng
(Số tiền bằng chữ:)
- b. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng
- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03H-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP TAI NẠN LAO ĐỘNG HẰNG THÁNG DO VẾT THƯƠNG TÁI PHÁT GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....
Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị TNLĐ (3):
Đơn vị công tác:(4)
Bị bệnh nghề nghiệp ngày tháng năm với mức suy giảm KNLĐ là:%
Nay bệnh tật tái phát, giám định lại mức suy giảm KNLĐ là %
Được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hằng tháng do bệnh tật tái phát từ tháng....năm.....

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có): đồng

Tổng số tiền trợ cấp hằng tháng (a+b+c): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

d. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03K-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp một lần do bệnh tật tái phát

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (1);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(2).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ bệnh nghề nghiệp của đồng chí (ông/bà) (3).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (3): Sinh ngày.....tháng...năm.....
Cấp bậc, chức vụ (Chức danh nghề nghiệp) khi bị BNN (3):
Đơn vị công tác:(4)
Bị bệnh nghề nghiệp ngày tháng năm với mức suy giảm KNLĐ là:%
Nay bệnh tật tái phát, giám định lại mức suy giảm KNLĐ là %
Được hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp một lần do bệnh tật tái phát.

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức chênh lệch trợ cấp được hưởng: (Mức tính theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ mới –
Mức trợ cấp theo tỷ lệ suy giảm KNLĐ cũ) = đồng
(Số tiền bằng chữ:)

b. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.

Mẫu số 03M-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp TNLĐ/BNN(1) hằng tháng
do giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (2);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(3)... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp của đồng chí (ông/bà) (4).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (4): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Đơn vị công tác:(5)

Đã bị TNLĐ/BNN (1) và ngày tháng ... năm, tiếp tục bị TNLĐ/BNN(1), kết quả giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động là: %

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày.../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương trước khi bị TNLĐ/BNN (1) lần sau cùng là:đồng

Được hưởng trợ cấp(6)..... hằng tháng từ tháng.....năm

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

c. Trợ cấp người phục vụ (nếu có): đồng

Tổng số tiền trợ cấp hằng tháng (a+b+c): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

d. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(5).....

Điều 3. Đồng chí.....(3) và đồng chí (ông/bà) (4)
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC

(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi theo chế độ được hưởng (TNLĐ hoặc BNN);
- (2) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (3): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (4): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì ghi là “Đồng chí”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì ghi là “ông/bà”.
- (5): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.
- (6): Ghi theo tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp bị lần sau cùng;

Mẫu số 03N-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CÁN Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BHXH

....., ngày tháng năm

MÃ SỐ BHXH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp TNLĐ/BNN (1) một lần
do giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 (2);

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Căn cứ Biên bản giám định khả năng lao động số ngày .../.../.... của Hội đồng giám định y khoa

Theo đề nghị của(3).... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ tai nạn lao động/bệnh nghề nghiệp (1) của đồng chí (ông/bà) (4).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đồng chí (Ông/Bà) (4): Sinh ngày.....tháng...năm.....

Đơn vị công tác:(5)

Đã bị TNLĐ/BNN và ngày tháng ... năm, tiếp tục bị TNLĐ/BNN(1), kết quả giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động là: %

Tổng thời gian đóng bảo hiểm vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc đến ngày.../tháng...../năm.... là.....năm.....tháng.

Mức tiền lương trước khi bị TNLĐ/BNN (1)lần sau cùng là:đồng

Được hưởng trợ cấp (6)..... một lần.

Điều 2. Mức hưởng trợ cấp như sau:

a. Mức trợ cấp tính theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:đồng

b. Mức trợ cấp tính theo thời gian đóng bảo hiểm xã hội: đồng

Tổng số tiền trợ cấp hàng tháng (a+b): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

c. Mức phí giám định y khoa được hưởng: đồng

- Nơi nhận:(5).....
Điều 3. Đồng chí.....(3) và đồng chí (ông/bà) (4)..
..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC
(ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi theo chế độ được hưởng (TNLĐ hoặc BNN);
- (2) Đối với trường hợp hưởng trước ngày 01/7/2016 thì thay bằng Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;
- (3): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (4): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì ghi là “Đồng chí”; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì ghi là “ông/bà”.
- (5): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương.
- (6): Ghi theo tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp bị lần sau cùng;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 09-HSB

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CỦA THÂN NHÂN

I. Họ và tên người khai (1):; sinh ngày.... /...../.....; Nam/Nữ.....; Quan hệ với người chết:.....U

Số CMND/số căn cước công dân/hộ chiếu:.....docấp ngày/...../.....;

Nơi cư trú (*Ghi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố*):

.....

Số điện thoại di động liên hệ:.....

II. Họ và tên người chết: mã số BHXH:..... ; chết ngày /..... /.....

Đơn vị công tác:

III. Danh sách thân nhân (*Kê khai tất cả thân nhân theo thứ tự con, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng; thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH khi còn sống có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Trường hợp thân nhân đã chết thì ghi "đã chết" vào cột "địa chỉ nơi cư trú" và không phải kê khai cột "ngày tháng năm sinh" và 4 cột ngoài cùng bên phải*)

Số TT	Họ và tên <i>(Trường hợp nhận trợ cấp tuất tháng qua tài khoản thẻ ATM thì ghi bổ sung trong ngoặc đơn ngay dưới họ tên: số tài khoản..., ngân hàng mở tài khoản..., chi nhánh mở tài khoản...)</i>	Mối quan hệ với người chết (2)	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại <i>(Chi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố; ghi số điện thoại di động trong trường hợp nhận trợ cấp)</i>	Mã số BHXH/số CMND/ số căn cước công dân/ hộ chiếu (3)	Mức thu nhập hàng tháng (4)	Loại trợ cấp tuất được hưởng (5)
			Nam	Nữ				
1								
2								
...								

Trường hợp thân nhân hưởng trợ cấp tử tuất chưa đủ 15 tuổi hoặc bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự thì khai bổ sung:

Số TT	Họ, tên người hưởng trợ cấp	Họ, tên người đứng tên nhận trợ cấp	Mối quan hệ của người đứng tên nhận trợ cấp với người hưởng trợ cấp	Mã số BHXH/số CMND/ số căn cước công dân/ hộ chiếu (3) <i>(Nếu người đứng tên nhận trợ cấp trùng với thân nhân đã khai ở bảng trên khi không phải khai cột này)</i>	Địa chỉ nơi cư trú (<i>Ghi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố; Nếu người đứng tên nhận trợ cấp trùng với thân nhân đã khai ở bảng trên khi không phải khai cột này)</i>)	Số điện thoại di động
1						
...						

IV. Người nhận trợ cấp mai táng, các khoản trợ cấp tuất một lần

- Họ và tên người nhận trợ cấp mai táng (8):
- Họ và tên người được cử nhận các khoản trợ cấp tuất một lần (8):

V. Cam kết của người khai: Tôi cam kết Tôi là người được các thân nhân thống nhất ủy quyền lập Tờ khai của thân nhân theo mẫu số 09-HSB Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đầy đủ, đúng sự thật, nếu sai hoặc có khiếu kiện về sau tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị cơ quan BHXH xem xét, giải quyết chế độ tử tuất cho gia đình tôi theo quy định./.

(9)....

....., ngày.....tháng....năm.....

Chứng thực về chữ ký hoặc điểm chỉ của người khai (6)

....., ngày.....tháng....năm.....

Người khai

(ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của các thân nhân về việc cử người đại diện kê khai, nhận trợ cấp một lần; về lựa chọn nhận trợ cấp tuất một lần (7)

Thân nhân

Thân nhân

Thân nhân

Thân nhân

(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP TỜ KHAI THEO MẪU SỐ 09-HSB

- (1) Người khai theo thứ tự vợ hoặc chồng, con, cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng. Trường hợp không còn các thân nhân nêu trên thì xác định người khai theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp hưởng trợ cấp tuất một lần theo quy định của pháp luật về thừa kế thì tại cột "Mối quan hệ với người chết" trong Danh sách tại Mục III của Tờ khai, ghi: "người thừa kế" và người khai trong trường hợp này là người đại diện cho các thân nhân cùng hàng thừa kế nhận trợ cấp.

Trường hợp người chết chỉ có thân nhân chưa đủ 15 tuổi hoặc bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người khai là người đại diện hợp pháp của thân nhân theo quy định của pháp luật dân sự và tại cột "Mối quan hệ của người đứng tên nhận trợ cấp với người hưởng trợ cấp" ghi rõ "Người đại diện hợp pháp".

- (2) Ghi cụ thể mối quan hệ với người chết như: Con đẻ, con nuôi, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ, mẹ vợ, cha chồng, mẹ chồng, cha nuôi, mẹ nuôi; nếu là thành viên khác trong gia đình thì cũng ghi cụ thể như: ông, bà, con dâu, con rể, chị dâu, anh rể...

- (3) Nếu đã có mã số BHXH thì phải ghi mã số BHXH; trường hợp chưa mã số BHXH thì ghi số CMND hoặc số hộ chiếu hoặc số thẻ căn cước, nếu không có thì không bắt buộc phải ghi;

- (4) Ghi rõ mức thu nhập hàng tháng thực tế hiện có từ nguồn thu nhập như tiền lương, tiền công hoặc lương hưu hoặc loại trợ cấp cụ thể (nếu là trợ cấp người có công thì cũng ghi rõ là trợ cấp người có công) hoặc các nguồn thu nhập cụ thể khác để làm căn cứ xác định loại trợ cấp được hưởng là hàng tháng hay một lần.

- (5) Thân nhân đối chiếu điều kiện để xác định loại trợ cấp được hưởng là hàng tháng hay một lần. Trường hợp chế độ được hưởng là trợ cấp tuất một lần thì để trống và mặc nhiên được hiểu là trợ cấp tuất một lần; trường hợp thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng thì ghi "Tuất tháng"; nếu hưởng trợ cấp tuất tháng do bị khuyết tật mức độ đặc biệt nặng hoặc suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên thì ghi: "Tuất tháng KT" hoặc "Tuất tháng 81%"; trường hợp thân nhân hoặc các thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng thống nhất 100% lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần thì ghi "Tuất tháng chọn tuất một lần". Nếu tất cả các thân nhân đủ điều kiện hưởng tuất tháng không thống nhất lựa chọn hưởng tuất một lần thì loại trợ cấp được hưởng là trợ cấp tuất tháng.

Nếu số thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhiều hơn 4 người thì các thân nhân thống nhất lựa chọn và đánh số trong ngoặc đơn theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 4. Ví dụ: Tuất tháng (1).

- (6) Chứng thực chữ ký hoặc điểm chỉ của người khai: Là chứng thực của chính quyền địa phương hoặc của Phòng Công chứng hoặc của Thủ trưởng trại giam, trại tạm giam trong trường hợp chấp hành hình phạt tù, bị tạm giam hoặc của Đại sứ quán Việt Nam

hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam trong trường hợp cư trú ở nước ngoài.

Nếu Tờ khai từ 02 tờ rời trở lên thì giữa các tờ phải đóng dấu giáp lai của nơi chứng thực chữ ký hoặc điểm chỉ.

- (7) Trường hợp thân nhân hưởng trợ cấp tuất một lần cử người khai làm đại diện nhận tiền trợ cấp một lần hoặc người đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất tháng mà lựa chọn tuất một lần thì ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ; nếu thân nhân dưới 15 tuổi hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ ký xác nhận; đồng thời ghi cụm từ “Người giám hộ” lên trước dòng họ tên.

- (8) Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người nhận trợ cấp mai táng; trường hợp người nhận trợ cấp không thuộc số thân nhân có tên trong Tờ khai thì ghi bổ sung: Mã số BHXH (nếu đã được cấp) hoặc số CMND hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; địa chỉ chi tiết nơi cư trú; trường hợp nhận qua tài khoản thẻ thì ghi bổ sung: Số tài khoản, ngân hàng mở tài khoản, chi nhánh mở tài khoản). Trường hợp người nhận trợ cấp mai táng đồng thời là người được cử nhận các khoản trợ cấp tuất một lần thì ghi rõ vào cuối phần này: “Tôi đồng thời nhận các khoản trợ cấp tuất một lần”.

- (9) Trường hợp thân nhân nộp hồ sơ chậm hơn so với thời hạn quy định thì giải trình lý do nộp chậm vào phần này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

I. Người ủy quyền:

Họ và tên:, sinh ngày /..... /.....

Mã số BHXH:.....

Loại chế độ được hưởng:

Số điện thoại liên hệ:.....

Số CMND/số căn cước công dân/số hộ chiếu/: do.....

cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1):

II. Người được ủy quyền:

Họ và tên:, sinh ngày /..... /.....

Số CMND/số căn cước công dân /hộ chiếu/:..... do.....

cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1):

Số điện thoại:.....

III. Nội dung ủy quyền(2):

.....

....

IV: Thời hạn ủy quyền: (3).....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung ủy quyền như đã nêu ở trên.

Trong trường hợp người ủy quyền (người hưởng chế độ) xuất cảnh trái phép hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc bị chết hoặc có căn cứ xác định việc hưởng BHXH không đúng quy định của pháp luật thì Tôi là người được ủy quyền cam kết sẽ thông báo kịp thời cho đại diện chi trả hoặc BHXH cấp huyện. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả lại tiền nếu không thực hiện đúng cam kết./.

....., ngày ... tháng ... năm

**Chứng thực chữ ký
của người ủy quyền (4)**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP MẪU SỐ 13-HSB

(1) Ghi đầy đủ địa chỉ: Số nhà, ngõ (ngách, hẻm), đường phố, tổ (thôn, xóm, ấp), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố); trường hợp người ủy quyền đang chấp hành hình phạt tù thì ghi tên trại giam, huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh(thành phố);

(2) Ghi rõ nội dung ủy quyền như: Làm loại thủ tục gì; nhận hồ sơ hưởng BHXH (bao gồm cả thẻ BHYT) nêu có; Nhận lương hưu hoặc loại trợ cấp gì; đổi thẻ BHYT, thanh toán BHYT, đổi sổ BHXH, điều chỉnh mức hưởng hoặc chế độ gì... Nếu nội dung ủy quyền bao gồm cả làm đơn thì cũng phải ghi rõ làm ủy quyền làm đơn, trường hợp ủy quyền cho thực hiện toàn bộ thủ tục (bao gồm cả làm đơn, nộp, nhận hồ sơ, nhận tiền) thì phải ghi thật cụ thể.

(3) Thời hạn ủy quyền do các bên tự thỏa thuận và ghi rõ từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm; trường hợp để trống thì thời hạn ủy quyền là một năm kể từ ngày xác lập việc ủy quyền

(4) Chứng thực chữ ký của người ủy quyền: Là chứng thực chính quyền địa phương hoặc của Phòng Công chứng hoặc của Thủ trưởng trại giam, trại tạm giam hoặc của Đại sứ quán Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hoặc của chính quyền địa phương của nước ngoài nơi người hưởng đang cư trú (chỉ cần xác nhận chữ ký của người ủy quyền);

Lưu ý:

- Giấy ủy quyền bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch tiếng Việt được chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người được ủy quyền không thực hiện đúng nội dung cam kết thì ngoài việc phải bồi thường số tiền đã nhận không đúng quy định thì tùy theo hậu quả còn bị xử lý theo quy định của pháp luật hành chính hoặc hình sự.

Mẫu số 08D-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CẢN Đ

Số:/QĐ-BHXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TRỢ CẤP TUẤT MỘT LẦN
MÃ SỐ BHXH (1)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ tử tuất một lần

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của(2)..... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất đối với thân nhân của đồng chí (ông/bà) (3)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân của:

Đồng chí (Ông/Bà) (3) Sinh ngày:/...../.....

Chức danh nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ (3):

Đơn vị công tác (4):

Từ trần ngày:/...../.....

Tổng số thời gian đóng BHXH: ...năm tháng

Mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ tính lương hưu: đồng

Điều 2. Ông/bà; quan hệ với người chết:(5).... đại diện cho các thân nhân nhận chế độ tử tuất một lần gồm:

1. Trợ cấp tuất một lần

a) Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH trước năm 2014:

$BQTL \times \text{số năm} \times 1,5 \text{ tháng} = \dots\dots\dots \text{đồng}$

b) Mức hưởng đối với thời gian đóng BHXH từ năm 2014 trở đi:

$BQTL \times \text{số năm} \times 2 \text{ tháng} = \dots\dots\dots \text{đồng}$

Tổng cộng (a+b): đồng

2. Trợ cấp mai táng (nếu có):đồng

3. Trợ cấp chết do TNLĐ, BNN (nếu có): đồng

4. Trợ cấp khu vực một lần (nếu có) đồng

Tổng số tiền trợ cấp (1+2+3+4): đồng

(Số tiền bằng chữ:)

Nơi nhận:(4).....

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà) (3)..... chịu

trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi mã số BHXH của người chết.
- (2): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương đề nghị giải quyết chế độ
- (3): Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ” ; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương;
- (5): Ghi quan hệ của người nhận trợ cấp đối với người chết.

Mẫu số 08A-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CAND

Số:/QĐ-BHXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

MÃ SỐ BHXH

Về việc hưởng trợ cấp mai táng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của(1)..... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất đối với thân nhân của đồng chí (ông/bà) (2)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết trợ cấp mai táng đối với thân nhân đồng chí (ông/bà)(2)

..... Sinh ngày:

Đơn vị công tác:(3).....

- Mức trợ cấp mai táng: đồng

- Trợ cấp chết do TNLĐ, BNN (nếu có): đồng

- Trợ cấp khu vực một lần (nếu có): đồng

Tổng số tiền trợ cấp: đồng

(Số tiền bằng chữ đồng)

- Người đứng tên nhận trợ cấp:, là ..(4)..... của ông/bà có tên trên;

- Nơi cư trú:.....

- Nơi nhận:.....

Điều 3. Đồng chí.....(1) và ông/bà(5)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Ghi chức danh Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.
- (2) Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì ghi là “Đồng chí”; đối tượng quy định tại khoản 3 thì ghi là “ông/bà”.
- (3): Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương;
- (4): Ghi quan hệ của người nhận trợ cấp với người chết.
- (5): Ghi tên người đứng tên nhận trợ cấp.

Mẫu số 08C-HSB

BỘ CÔNG AN
BẢO HIỂM XÃ HỘI CẢN Đ

Số:/QĐ-BHXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SỐ SỔ BHXH (1)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13;

Căn cứ Thông tư số/2020/TT-BCA ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của(2)..... tại Công văn số ngày .../.../..... và hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất đối với thân nhân của đồng chí (ông/bà) (3)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ tử tuất hàng tháng đối với thân nhân của:

Đồng chí (Ông/Bà) (3) Sinh ngày:/...../.....

Chức danh nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ (3):

Đơn vị công tác (4):

Từ trần ngày:/...../.....

Tổng số thời gian đóng BHXH: ...năm tháng

Điều 2. Ông/bà sinh ngày/...../....., là(5)..... của đồng chí (ông/bà)..... được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng như sau:

- Mức trợ cấp hàng tháng: đồng x% = đồng

(Số tiền bằng chữ:)

- Thời điểm hưởng trợ cấp kể từ ngày:/...../.....

- Nơi nhận:(6).....

- Họ và tên người đứng tên nhận trợ cấp:(7)..... mối quan hệ với người được hưởng trợ cấp

Điều 3. Đồng chí.....(2) và đồng chí (ông/bà)(7)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH Việt Nam;
- BHXH tỉnh (TP) ... (8);
- Lưu: BHXH CAND.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi số A hoặc B hoặc C hoặc D lần lượt đối với từng thân nhân và chỉ ghi số sổ đối với trường hợp chỉ có một thân nhân duy nhất hưởng
- (2) Ghi chức danh của Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương.
- (3) Đối tượng quy định tại các khoản 1,2 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “Đồng chí”, “cấp bậc, chức vụ” ; đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 thì dùng các cụm từ: “ông/bà”, “chức danh nghề nghiệp”.
- (4) Ghi tên đơn vị công tác đến cấp tỉnh hoặc tương đương;
- (5) Ghi quan hệ của người được hưởng trợ cấp đối với người chết;
- (6) Ghi theo tên đơn vị hành chính cấp xã, nơi người hưởng trợ cấp hoặc người đứng tên nhận trợ cấp cư trú;
- (7) Chỉ hiển thị nội dung này trong trường hợp người được hưởng trợ cấp dưới 15 tuổi hoặc bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- (8) Ghi theo tên đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi người nhận trợ cấp cư trú.

V. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

VI. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

IX. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

X. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

XI. LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

XII. LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY.

.... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng ...năm....

ĐỀ NGHỊ
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi:(2).....

.....(1).....đề nghị Quý cơ quan.....(3)của dự án/công trình/phương tiện(4) . với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN

1. Tên dự án/công trình/phương tiện:
2. Tên chủ đầu tư/chủ phương tiện:; thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại):.....
3. Người đại diện theo pháp luật:.....
4. Đại diện chủ đầu tư (nếu có):.....
5. Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải:
6. Tổng mức đầu tư:
7. Đơn vị tư vấn thiết kế:
8. Quy mô dự án/công trình (chiều cao, số tầng, công năng,...); quy mô, tính chất phương tiện (kích thước, dung tích, trọng tải, số người, vùng hoạt động,...):
9. Các thông tin khác (nếu có): (5)

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM

1. Hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số .../2020/NĐ-CP (6).
2. Văn bản ủy quyền nộp hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư/chủ phương tiện (trong trường hợp chủ đầu tư/chủ phương tiện ủy quyền cho đơn vị khác).
3. Các văn bản khác có liên quan đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và

chữa cháy cấp trước đây.

..... (1) đề nghị Quý cơ quan (3)/.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu nếu có)

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị/cá nhân đề nghị thẩm duyệt;

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt;

(3) Ghi một trong các nội dung sau: Góp ý về phòng cháy và chữa cháy đồ án quy hoạch; chấp thuận địa điểm xây dựng; góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở; thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công; thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy;

(4) Tên dự án, công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới;

(5) Nội dung thiết kế điều chỉnh; nội dung thiết kế cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của dự án/công trình; nội dung thiết kế hoán cải phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy;

(6) Liệt kê thành phần hồ sơ, tài liệu.

Mẫu số PC11

Ban hành kèm theo Nghị định số
136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ
KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi:(2).....

.....(1)..... đề nghị(2)..... kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình/phương tiện với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN

1. Tên công trình/phương tiện:
2. Tên chủ đầu tư/chủ phương tiện:.....; thông tin liên hệ (địa chỉ, điện thoại):
3. Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải:
4. Đơn vị tư vấn thiết kế:
5. Đơn vị tư vấn giám sát:
6. Đơn vị thi công:
7. Quy mô công trình (chiều cao, số tầng, công năng,...); quy mô, tính chất phương tiện (kích thước, dung tích, trọng tải, số người, vùng hoạt động,...):.....
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM (3)

1.
2.
3.

Công trình/phương tiện đã được chủ đầu tư và đơn vị thi công nghiệm thu theo quy định.(1)..... đề nghị(2)..... kiểm tra kết quả

nhằm thu thập thông tin về phòng cháy và chữa cháy của công trình/phương tiện với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;
- (2) Tên cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền;
- (3) Thành phần theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

Mẫu số PC02

Ban hành kèm theo Nghị định số
136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NGUY HIỂM VỀ CHÁY, NỔ BẰNG ĐƯỜNG SẮT

Kính gửi:(2).....

1. Tên tổ chức đề nghị:(1).....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

3. Thông tin về người điều khiển phương tiện và người áp tải (nếu có):.....(3).....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ là các hàng hóa sau:

TT	Tên hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ	Số UN	Loại nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượng vận chuyển	Ga đi - Ga đến
1						
2						
...						

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ bao gồm:.....(4).....

.....(1).....cam kết bảo đảm an toàn khi tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép;

(2) Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép;

(3) Ghi các thông tin: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMND/CCCD/Hộ chiếu (áp dụng trong trường hợp vận chuyển theo chuyên) đã được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy;

(4) Liệt kê theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

XIII. LĨNH VỰC ĐẢM BẢO HẬU CẦN

TÊN CƠ QUAN

Mẫu số 05 (Nghị định số 40/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.....

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C theo quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Luật Đầu tư công;
3. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định đầu tư dự án:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có):

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

7. Thời gian thực hiện:

8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư;

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án;

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

7. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

8. Giải pháp tổ chức thực hiện.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định quyết định chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C

Kính gửi: (Tên Cơ quan trình thẩm định).

Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) nhận được Tờ trình số ... ngày tháng năm của Cơ quan (Tên Cơ quan trình) trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án đề nghị thẩm định). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.
3. Các văn bản liên quan khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:
2. Đơn vị phối hợp thẩm định:
3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể Cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư dự án, đề nghị Cơ quan (Tên Cơ quan trình) xem xét báo cáo

cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án (nếu chấp thuận đề xuất của Cơ quan trình)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Quyết định chủ trương đầu tư dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên chương trình/dự án:
2. Chủ chương trình/Chủ đầu tư:
3. Đối tượng thụ hưởng của chương trình/dự án:
4. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:
5. Tổng vốn thực hiện chương trình/dự án, gồm vốn:
 - Nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
 - Nguồn vốn sự nghiệp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
 - Nguồn vốn khác (nếu có):
6. Thời gian thực hiện:
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình/dự án:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN NHÓM A, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Nêu đầy đủ quá trình triển khai xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

- Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án giai đoạn trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

- Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình/dự án.

- Các nội dung khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình/dự án giai đoạn trước hoặc thời gian trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị định này.

3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).

4. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

5. Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) xem xét, quyết định phê duyệt chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện chương trình/dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

**CƠ QUAN RA NGHỊ QUYẾT
(QUYẾT ĐỊNH) CHỦ TRƯỞNG
ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về chủ trương đầu tư dự án

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;
Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);
Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án)/Hội đồng thẩm định dự án.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (Quyết định) chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án

1. Mục tiêu đầu tư:
2. Quy mô đầu tư:
3. Nhóm dự án:
4. Tổng mức đầu tư dự án:
5. Cơ cấu nguồn vốn (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn):

6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Thời gian thực hiện dự án:
8. Tiến độ thực hiện dự án:
9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) chịu trách nhiệm:
 - a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (Tên dự án) trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.
 - b) Các nội dung khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (nếu có)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này báo cáo Cơ quan (Tên Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

(Theo Mẫu số 01 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

**[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: _____, ngày ___ tháng ___ năm ___

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: ___ [ghi tên dự án]**

Kính gửi: ___ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ ___ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ ___ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ ___ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);

- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;

- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;

- Tổng mức đầu tư;

- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

Stt	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
Tổng giá gói thầu [kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

Stt	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

Stt	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		<i>[ghi tổng mức đầu tư của dự án]</i>

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: *[ghi tên dự án]*.

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

Stt	Nội dung	Ghi chú
<i>1</i>	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án ___</i>	<i>Bản chụp</i>
<i>2</i>	<i>Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán ___</i>	<i>Bản chụp</i>
	<i>Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1</i>	<i>Bản chụp</i>
<i>...</i>		
<i>n</i>		

(Theo Mẫu số 02 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

[CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]
[TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
về kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: ____ [ghi tên người có thẩm quyền]

- Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];
- Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];
- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của dự án mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ ____ [văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức thẩm định, văn bản giao nhiệm vụ thẩm định];
- Trên cơ sở tờ trình của ____ [ghi tên tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, ____ [ghi tên tổ chức thẩm định] đã tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ____ [ghi tên dự án] từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt] đến ngày ____ tháng ____ năm ____ [ghi ngày có báo cáo thẩm định] và báo cáo về kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về dự án:

Phần này nêu khái quát về nội dung chính của dự án như sau:

- a) Tên dự án;
- b) Tổng mức đầu tư;
- c) Nguồn vốn;
- d) Tên chủ đầu tư;
- đ) Thời gian thực hiện dự án;
- e) Địa điểm, quy mô dự án;
- g) Các thông tin khác (nếu có).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định tóm tắt các nội dung theo tờ trình của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

- a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: ___[ghi giá trị];
- b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___ [ghi giá trị];
- d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___ [ghi giá trị];
- đ) Tổng giá trị các phần công việc: ___[bằng tổng các giá trị tại điểm a, b, c và d Mục này];
- e) Tổng mức đầu tư của dự án: ___[ghi giá trị].

3. Tổ chức thẩm định:

Phần này nêu rõ cách thức làm việc của tổ chức thẩm định là theo nhóm hoặc độc lập trong quá trình thẩm định và cách thức thẩm định khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại.

III. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

Bảng số 1

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không có
	(1)	(2)	(3)
1	<i>Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</i>		
2	<i>Văn bản phê duyệt nguồn vốn cho dự án</i>		
3	<i>Hiệp định, hợp đồng vay vốn (nếu có)</i>		
4	<i>Các văn bản pháp lý liên quan</i>		

Ghi chú:

- *Cột (1) ghi rõ tên, số, ngày ký, phê duyệt văn bản.*
- *Cột (2) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định nhận được.*
- *Cột (3) đánh dấu "X" vào các ô tương ứng đối với từng văn bản nêu tại cột (1) mà tổ chức thẩm định không nhận được (sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu).*
- b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: ___[căn cứ các tài liệu chủ đầu tư trình

và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ chức thẩm định đưa ra ý kiến nhận xét về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và những lưu ý cần thiết (nếu có)].

2. Phân chia dự án thành các gói thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến nhận xét về việc phân chia dự án thành các gói thầu căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính đồng bộ của dự án và quy mô gói thầu hợp lý.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phần công việc đã thực hiện: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về sự phù hợp giữa phần công việc đã thực hiện với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt trước đây];

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu];

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): ___[tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến (nếu có) đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu];

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

Tổng hợp kết quả thẩm định nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu			
Stt	Nội dung thẩm định (1)	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp (2)	Không tuân thủ hoặc không phù hợp (3)
1	Tên gói thầu		
2	Giá gói thầu		
3	Nguồn vốn		
4	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu		
5	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu		
6	Loại hợp đồng		
7	Thời gian thực hiện hợp đồng		

Ghi chú:

- *Cột số (2):* đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm

định là tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan; phù hợp với yêu cầu của dự án.

- *Cột số (3): đánh dấu “X” vào các ô tương ứng đối với từng nội dung tại cột số (1) nếu kết quả kiểm tra về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của tổ chức thẩm định là không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan hoặc không phù hợp với yêu cầu của dự án. Đối với trường hợp này phải nêu rõ lý do không tuân thủ hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật liên quan hoặc không phù hợp với dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, tính chất, yêu cầu của gói thầu.*

- *Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: ___[căn cứ tài liệu do tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, tổ chức thẩm định đưa ra những ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ vào quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan, yêu cầu của dự án và những lưu ý cần thiết khác (nếu có).*

Đối với nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu được đánh giá là không tuân thủ hoặc không phù hợp hoặc có nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện sẽ được thuyết minh tại phần này lý do và cách thức cần thực hiện để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu. Những nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp cần được nêu cụ thể].

c) *Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: ___[tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) có bằng tổng mức đầu tư hay không và nêu những nội dung cần chỉnh sửa cho phù hợp].*

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định đưa ra nhận xét chung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong phần này cần đưa ra ý kiến thống nhất hay không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không thống nhất phải đưa ra lý do cụ thể.

Phần này nêu rõ ý kiến bảo lưu của thành viên thẩm định trong quá trình thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc trong từng trường hợp cụ thể (nếu cần thiết), tổ chức thẩm định có ý kiến đối với việc người có thẩm quyền giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của các gói thầu thuộc dự án theo quy định tại Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

2. Kiến nghị

a) *Trường hợp nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy định*

của pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan và đáp ứng yêu cầu thì tổ chức thẩm định đề nghị người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo nội dung dưới đây:

Trên cơ sở tờ trình của ___[ghi tên chủ đầu tư] về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định, phân tích như trên, ___[ghi tên tổ chức thẩm định] đề nghị ___[ghi tên người có thẩm quyền]:

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ___[ghi tên dự án].

- Cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện đối với gói thầu: ___[ghi tên gói thầu] trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu¹.

b) Trường hợp tổ chức thẩm định không thống nhất với đề nghị của chủ đầu tư thì cần đề xuất biện pháp giải quyết tại điểm này để trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư;
- Lưu VT.

**[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH]**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

¹ Trường hợp tổ chức thẩm định không có đề nghị nội dung giám sát, theo dõi thì xóa bỏ nội dung này.

PHỤ LỤC BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo thẩm định số __ ngày __ tháng __ năm __)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bản chính/Bản chụp
2	Văn bản của tổ chức thẩm định đề nghị chủ đầu tư bổ sung tài liệu, giải trình (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
3	Văn bản giải trình, bổ sung tài liệu của chủ đầu tư (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
4	Ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
5	Biên bản họp thẩm định của tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
6	Ý kiến bảo lưu của cá nhân thuộc tổ chức thẩm định (nếu có)	Bản chính/Bản chụp
7	<ul style="list-style-type: none">- Danh sách các thành viên tham gia tổ chức thẩm định và phân công công việc giữa các thành viên (nếu có);- Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu của các thành viên trong tổ chức thẩm định;- Các chứng chỉ liên quan khác (nếu có).	
8	Các tài liệu có liên quan khác.	

(Theo Mẫu số 03 - Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT)

[GHI TÊN CƠ QUAN CỦA
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____, ngày ____ tháng ____ năm ____

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: ___[ghi tên dự án]

_____[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

Căn cứ ___[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013];

Căn cứ ___[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ ___[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày ___[ghi ngày, tháng, năm] của ___[ghi tên tổ chức thẩm định] về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ___[ghi tên dự án];

Theo đề nghị của ___[ghi tên chủ đầu tư] tại văn bản tờ trình số ___[ghi số hiệu tờ trình] ngày ___[ghi ngày văn bản] về việc trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án ___[ghi tên dự án],

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ___[ghi tên dự án] với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm².

Điều 2. [Ghi tên chủ đầu tư] chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

[Ghi tên tổ chức, cá nhân giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu] chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao theo Phụ lục kèm

² Phụ lục phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ có 01 gói thầu thì có thể ghi trực tiếp gói thầu bao gồm các nội dung tại Phụ lục đính kèm Mẫu này trong Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

theo Quyết định này³.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[ghi tên người đứng đầu cơ quan chủ đầu tư]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

[GHI TÊN NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

³ Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu không có nội dung giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu thì xóa bỏ nội dung này.

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN: _____ [ghi tên dự án]

(kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

Stt	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát ⁴
1									
2									
3									
...									
n									
Tổng giá trị các gói thầu									

⁴ Ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu. Trường hợp không áp dụng thì xóa bỏ cột này.

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (*xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP*)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu
khả thi ĐTXD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của.....
trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án (tên dự án...)*

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có)

Theo đề nghị của.... tại Tờ trình số... ngày... của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (tên dự án....) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo kinh tế-kỹ thuật) đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm, thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

***Ghi chú:** Mẫu số 03 áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng.

TÊN TỔ CHỨC

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG
(Tên công trình ...)

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu khảo sát xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng:

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)
2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng;
 - d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:
 - a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
 - b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.
2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:
 - Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật;
 - Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật;
3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:
 - Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
 - Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận.
4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).
5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.
6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
- b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng;
- c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra).

ĐƠN VỊ THẨM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:.....

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế xây dựng triển khai
sau thiết kế cơ sở

Kính gửi:.....

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) (tên công trình) thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Tên dự án đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định.

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng (nếu có yêu cầu):

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan:

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có):

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình:
3. Tên dự án:
4. Loại, cấp công trình:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;

13. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Số hiệu văn bản)

V/v kết quả thẩm tra dự toán xây dựng
công trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình:

Địa điểm:

Kính gửi: (Tên Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của (tên Chủ đầu tư) về việc thẩm tra dự toán xây dựng công trình (tên công trình) và hợp đồng (số hiệu hợp đồng). Sau khi nghiên cứu hồ sơ, (đơn vị thẩm tra) có ý kiến như sau:

I. Thông tin về công trình/hạng mục công trình thẩm tra

- Tên Dự án;
- Tên công trình;
- Địa điểm xây dựng;
- Loại và cấp công trình/Loại và cấp công trình cao nhất của Dự án;
- Cấp quyết định đầu tư;
- Chủ đầu tư;
- Nguồn vốn đầu tư;
- Thời gian thực hiện;
- Thông tin về các đơn vị tư vấn lập thiết kế, lập dự toán công trình; thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (nếu có);
- Giá trị dự toán đề nghị thẩm tra.

II. Căn cứ thẩm tra

1. Văn bản quy phạm pháp luật sử dụng để thẩm tra

- Pháp luật về xây dựng (Luật Xây dựng, Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Các Thông tư hướng dẫn Nghị định);
- Pháp luật về đầu tư công (đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Pháp luật về PPP (đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư);
- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác (như pháp luật về phí, lệ phí,...);
- Các cơ sở pháp lý xác định các yếu tố đầu vào sử dụng để thẩm tra dự toán xây dựng.

2. Hồ sơ, tài liệu của công trình/dự án:

- Hồ sơ dự án đã phê duyệt (Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án, các tài liệu pháp lý của dự án);
- Kết quả thẩm tra thiết kế (nếu có);
- Hồ sơ tài liệu xác định chi phí của các công việc đã thực hiện (Các hợp đồng đã thực hiện, quyết định phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu,...).

III. Nhận xét về hồ sơ đề nghị thẩm tra

- Nhận xét về thành phần hồ sơ, sự đầy đủ, rõ ràng của các hồ sơ đề nghị thẩm tra;
- Nhận xét về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị thẩm tra, bao gồm: trình tự xác lập các hồ sơ, năng lực đơn vị tư vấn;
- Nhận xét về việc sử dụng các căn cứ pháp lý làm cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình.

IV. Nguyên tắc thẩm tra

- Phạm vi thẩm tra, các nội dung không thực hiện thẩm tra (nếu có), lý do,..
- Về phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình;
- Về cơ cấu, nội dung các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng công trình;
- Cơ sở xác định khối lượng, định mức, đơn giá trong dự toán xây dựng công trình;
- Cơ sở xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng công trình;
- ...

V. Kết quả thẩm tra

1. Đánh giá sự tuân thủ quy định của pháp luật khi xác định các thành phần chi phí của dự toán xây dựng

- 1.1. Đánh giá về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình.
- 1.2. Đánh giá về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình so với nội dung tổng mức đầu tư dự án được duyệt và đặc điểm, tính chất, yêu cầu của công trình.
- 1.3. Đánh giá về sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình với quy định.
- 1.4. Đánh giá về cơ sở xác định các thành phần chi phí
 - a) Sự phù hợp, đầy đủ của khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình.
 - b) Cơ sở xác định đơn giá xây dựng, đơn giá thiết bị, bao gồm:
 - Sự tuân thủ trong việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố;
 - Sự phù hợp của giá các yếu tố đầu vào, đơn giá sử dụng xác định dự toán, mặt bằng giá thị trường và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng.
 - c) Cơ sở xác định các chi phí thuộc chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác, dự phòng phí theo quy định.
- 1.5. Trường hợp có định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh: sự phù hợp của danh mục, phương pháp xác định, trị số hao phí định mức.

2. Kết quả thẩm tra:

2.1. Theo các căn cứ và nguyên tắc nêu trên, giá trị dự toán xây dựng công trình (tên công trình) sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trong TMDĐT duyệt	Giá trị trong dự toán đề nghị thẩm tra	Giá trị dự toán thẩm tra	Tăng, giảm (+/-)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
1	Chi phí xây dựng				
2	Chi phí thiết bị				
3	Chi phí quản lý dự án				
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				
5	Chi phí khác				
6	Chi phí dự phòng				
	Tổng cộng				

2.2. Nguyên nhân tăng, giảm:

(Phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm tra)

3. Kết luận và kiến nghị

NGƯỜI THẨM TRA

(ký, họ tên)

NGƯỜI CHỦ TRÌ

(ký, họ tên)

Chứng chỉ hành nghề định giá XD hạng ..., số ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Số hiệu văn bản)
V/v: thông báo ý kiến thẩm
định dự toán xây dựng công
trình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (Tên đơn vị yêu cầu thẩm định)

Thực hiện nhiệm vụ của (cơ quan chuyên môn về xây dựng) theo phân cấp, trên cơ sở đề nghị của (tên đơn vị yêu cầu thẩm định) tại Tờ trình số... về việc thẩm định dự toán xây dựng công trình (tên công trình). Sau khi nghiên cứu hồ sơ, (tên cơ quan chuyên môn về xây dựng) có ý kiến như sau:

I. Thông tin về dự án, công trình

1. Thông tin chung về dự án

- Tên Dự án;
- Địa điểm xây dựng;
- Nhóm Dự án, loại và cấp công trình cao nhất của Dự án;
- Cấp quyết định đầu tư;
- Chủ đầu tư;
- Nguồn vốn đầu tư;
- Thời gian thực hiện;

2. Thông tin chung về công trình

- Tên công trình;
- Loại và cấp công trình;
- Thông tin về các đơn vị tư vấn lập thiết kế, lập dự toán công trình; thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán công trình;
- Giá trị dự toán trình thẩm định.

II. Căn cứ pháp lý để thực hiện thẩm định, hồ sơ, tài liệu trình thẩm định.

1. Căn cứ pháp lý để thực hiện thẩm định.

- Pháp luật về xây dựng (Luật Xây dựng, Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Các Thông tư hướng dẫn Nghị định);
- Pháp luật về đầu tư công (đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công);
- Pháp luật về PPP (đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư);
- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác (như pháp luật về phí, lệ phí,...).

2. Hồ sơ, tài liệu trình thẩm định

- Hồ sơ dự án đã phê duyệt (Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án, các tài liệu pháp lý của dự án);
- Kết quả thẩm định thiết kế kèm theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định;
- Hồ sơ tài liệu xác định giá trị chi phí của các công việc đã thực hiện (Các hợp đồng đã thực hiện, quyết định phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu,...);
- Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán (nếu có), hồ sơ dự toán trình thẩm định;
- Các cơ sở pháp lý xác định các yếu tố đầu vào sử dụng để xác định dự toán xây dựng trình thẩm định.

3. Hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân tư vấn (tham gia lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình -nếu có)

III. Nguyên tắc thẩm định

- ...
- ...

IV. Ý kiến thẩm định

1. Về sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định, các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng

1.1. Về thành phần hồ sơ trình thẩm định

1.2. Về căn cứ pháp lý xác định dự toán xây dựng công trình

2. Về sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và phương pháp xác định dự toán xây dựng.

2.1. Về sự phù hợp dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

2.2. Về sự phù hợp của phương pháp xác định dự toán xây dựng

3. Về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình với quy định pháp luật áp dụng cho dự án

4. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức, giá xây dựng các công cụ cần thiết khác, việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự

4.1. Đối với chi phí xây dựng:

4.2. Đối với chi phí thiết bị:

4.3. Đối với chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác, chi phí dự phòng

5. Ý kiến khác

V. Kết luận và kiến nghị

- Kết luận về đủ/không đủ điều kiện phê duyệt dự toán xây dựng công trình;
- Kiến nghị;

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

PHỤ LỤC VIA

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình

xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

PHỤ LỤC VIB
DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
 - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

- b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
 - c) An toàn môi trường;
 - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
 - đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
 - e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
 - g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
 - h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
 12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
 13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
 14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).
 15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).
 16. Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

Ghi chú:

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định này, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

PHỤ LỤC VII

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:(2).....

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng (4);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số.....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số ... ngày ...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số ngày ... (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy số (nếu có);

Căn cứ văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày.....,

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu của.....(2)..... để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(3)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác *(nếu có)*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.

(2) Tên của chủ đầu tư.

(3) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu.

(4) Trường hợp miễn giấy phép xây dựng: ghi căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật.

XIV. LĨNH VỰC ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 05c
Ký hiệu: C3-02/NS
Số:Năm NS:
.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG VỐN ĐẦU TƯ
Tạm ứng sang thực chi Ứng trước chưa đủ điều kiện ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT

Tên dự án:.....

Chủ đầu tư: Mã ĐVQHNS:.....

Tài khoản:..... Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:.....

Mã CTMT, DA: số CKC, HĐTH.....

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ngày /...../

Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án:.....

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán số tiền đã Tạm ứng /ứng trước chưa đủ ĐKTT thành Thực chi /ứng trước đủ ĐKTT theo chi tiết sau:

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Số dư tạm ứng/ứng trước	Số đề nghị thanh toán	Số KBNN duyệt thanh toán
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Ngày..... tháng năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI

Số tiền bằng chữ

.....

Ngày tháng năm

Kế toán

**Kế toán
trưởng**

Giám đốc

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:.....

Không ghi vào
khu vực này

ỦY NHIỆM CHI
Chuyển khoản Tiền mặt tại KB
Tiền mặt tại NH
Lập ngày ... tháng ... năm

Mẫu số 16c1
Ký hiệu: C4-
02a/NS

Đơn vị trả tiền:

Địa chỉ:

Tại Kho bạc Nhà nước:

Tài khoản:

Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

Tổng số tiền ghi bằng chữ:

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại Kho bạc Nhà nước (NH):

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày..... tháng ... năm

Thủ **Kế** **Kế toán** **Giám**
quỹ **toán** **trưởng** **đốc**

Ngày ... tháng ...
năm ...

Người nhận tiền
(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày tháng ... năm ...

Kế toán **Chủ tài khoản**
trưởng **(Ký, ghi họ**
(Ký, ghi họ **đóng dấu)**
tên)

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số 16b1
Ký hiệu: C3-
01/NS

GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ

Thực chi Tam ứng Chuyển khoản
Ứng trước đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại KB
Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán Tiền mặt tại NH

Tên dự án:

Chủ đầu tư: MãĐVQHNS:

Tài khoản: Tại KBNN:

Tên CTMT, DA:

..... Mã CTMT, DA:..... Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ngày ... / ... /

Nội dung	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Năm KHV	Tổng số tiền	Chia ra	
							Nộp thuế	Thanh toán cho ĐV
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)
Tổng cộng:								

Tổng số tiền ghi bằng chữ:.....

Trong đó:

NỘP THUẾ:

Tên đơn vị (Người nộp thuế):

Mã số thuế:.....Mã NDKT:.....Mã

chương:.....

Cơ quan quản lý thu:Kỳ thuế

KBNN hạch toán khoản thu:

Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ):

THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG

Đơn vị nhận tiền:.....

Địa chỉ:

Tài khoản: Mã CTMT,DA và HTCT:

Tại KBNN

(NH):

PHẦN KBNN GHI

1. Nộp thuế:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã CQ thu:

Mã ĐBHC:

2. Thanh toán cho ĐV hưởng:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Hoặc người nhận tiền:
CMND số : Cấp ngày:Nơi cấp:
Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (*ghi bằng chữ*):
.....

Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

*Ngày.tháng.....
năm.....*
Người lĩnh tiền mặt
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày ... tháng ... năm.....

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐỀ NGHỊ CAM KẾT CHI NSNN
VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Mẫu số 04a
Ký hiệu: C2-
12/NS
Số:

.....
Năm NS:
.....

Đơn vị đề nghị cam kết chi NSNN:

Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách/Mã dự án đầu tư:

Tên dự án đầu tư:

Mở tài khoản tại KBNN

I. Thông tin chung về cam kết chi

Tên nhà cung cấp:

TK nhà cung cấp

Tại Ngân hàng:

Số hợp đồng giấy

Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực):

Mã số hợp đồng khung đã CKC:

Giá trị hợp đồng giấy:

Số tiền đã CKC các năm trước:

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:
Số CKC, HĐK:
Số CKC, HĐTH:
Mã số NCC:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã Cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã Nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền theo nguyên tệ	Số tiền quy ra VNĐ
1									
2									
Tổng cộng:									

Tổng số tiền VNĐ bằng chữ:

Tổng Số tiền nguyên tệ bằng chữ:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày tháng..năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐIỀU CHỈNH CAM KẾT CHI NSNN

VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Mẫu số 04b
Ký hiệu: C2-13/NS
Số:
Năm NS:

Đơn vị đề nghị điều chỉnh cam kết chi NSNN:

Tên dự án đầu tư:

Mã ĐVQHNS/Mã dự án đầu tư:

Mở tài khoản tại KBNN:

Tên nhà cung cấp:

Mã số nhà cung cấp:

TK nhà cung cấp: Tại Ngân hàng:

Hợp đồng khung, số CKC: Hợp đồng thực hiện, số CKC:

Theo hợp đồng giấy số: Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực).....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK: Có TK: Nợ TK: Có TK: Mã ĐBHC:

Căn cứ hợp đồng đã được cam kết chi tại KBNN, đề nghị KBNN điều chỉnh một số thông tin liên quan đến cam kết chi như sau:

I. Thông tin chung về cam kết chi

Thông tin đã hạch toán:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

Thông tin đề nghị điều chỉnh bổ sung:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Thông tin đã hạch toán							Thông tin đề nghị điều chỉnh lại							Số tiền	
	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Nguyên tệ	VND

III. Thông tin điều chỉnh về số tiền cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã Nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền đã cam kết chi		Số tiền CKC đề nghị điều chỉnh				Số tiền CKC sau điều chỉnh		
										Tăng		Giảm				
								Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
1																
Tổng cộng:																

Số tiền bằng chữ: Theo nguyên tệ:

Theo VND:

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY ĐIỀU CHỈNH CAM KẾT CHI NSNN

VNĐ Ngoại tệ
KPTX KPĐT

Mẫu số 04b
Ký hiệu: C2-13/NS
Số:
Năm NS:

Đơn vị đề nghị điều chỉnh cam kết chi NSNN:

Tên dự án đầu tư:

Mã ĐVQHNS/Mã dự án đầu tư:

Mở tài khoản tại KBNN:

Tên nhà cung cấp:

Mã số nhà cung cấp:

TK nhà cung cấp: Tại Ngân hàng:

Hợp đồng khung, số CKC: Hợp đồng thực hiện, số CKC:

Theo hợp đồng giấy số: Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực).....

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Căn cứ hợp đồng đã được cam kết chi tại KBNN, đề nghị KBNN điều chỉnh một số thông tin liên quan đến cam kết chi như sau:

I. Thông tin chung về cam kết chi

Thông tin đã hạch toán:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

Thông tin đề nghị điều chỉnh bổ sung:

Tài khoản nhà cung cấp:

Tên ngân hàng nhà cung cấp:

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Thông tin đã hạch toán							Thông tin đề nghị điều chỉnh lại							Số tiền	
	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Nguyên tệ	VND

III. Thông tin điều chỉnh về số tiền cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTM T, DA	Mã Nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền đã cam kết chi		Số tiền CKC đề nghị điều chỉnh				Số tiền CKC sau điều chỉnh		
										Tăng		Giảm				
								Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
1																
Tổng cộng:																

Số tiền bằng chữ: Theo nguyên tệ:

Theo VND:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày tháng.. năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 01/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (nếu có): ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên công trình, hạng mục công trình độc lập (nếu có): ...; Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối... đồng.

- Chủ đầu tư: ...

I. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn... + Vốn...			

	- Vốn ngân sách địa phương			
1.2	<i>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</i>			
2	Vốn khác (nếu có):			
2.1	<i>Vốn...</i>			
2.2	<i>Vốn...</i>			

II. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

III. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Số	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

IV. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

2. Chi phí không tạo nên tài sản:

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:

+ Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.

+ Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.

+ Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.

+ Thay đổi khác.

2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Các văn bản pháp lý			
1	...			
2	...			
3	...			
II	Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng (nếu có)			
1	...			
2	...			
3	...			
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là “không có”)			
1	...			
2	...			
3	...			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày... tháng... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2	Năm ...										
	- Vốn....										
	- Vốn....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán:...

2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có):...

3. Kiến nghị: ...

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ
tên)

Ngày... tháng... năm ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH
TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án

Mẫu số 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN***Đơn vị: đồng*

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình) độc lập được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Dự toán (Tổng dự toán) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm
1	2	3	4	5	6
Tổng số					
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				
1	...				
...					
II	Xây dựng				
1	...				
...					
III	Thiết bị				
1	...				
....					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1				
....					
VI	Chi phí khác				

1				
....					
VII	Dự phòng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại cột 6 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 5 so với cột 3, 4 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này)

Mẫu số 05/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)	Ngày đưa tài sản dài hạn vào sử dụng	Loại vốn đầu tư hình thành tài sản	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1	...							
2	...							
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT TÀI SẢN NGẮN HẠN

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị (đồng)	Đơn vị tiếp nhận sử dụng (nếu có)
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có” vào biểu.

Mẫu số 07/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI TIẾT VẬT TƯ, THIẾT BỊ TỒN ĐỘNG

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Đơn vị tiếp nhận hoặc xử lý theo quy định (nếu có)
I	Vật tư, thiết bị tồn đọng giao cho đơn vị tiếp nhận					
1						
2						
...						
II	Vật tư, thiết bị tồn đọng xử lý theo quy định					
1						
2						
...						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có ” vào biểu.

Mẫu số 08/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị đề nghị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7=5-4	8
1							
2							
...							
Tổng cộng							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có nội dung phát sinh thì ghi cụ thể “không có” vào biểu.

Mẫu số 01/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên dự án thành phần, tiểu dự án độc lập (nếu có): ...; Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: ... đồng.

- Tên công trình, hạng mục công trình độc lập (nếu có): ...; Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối... đồng.

- Chủ đầu tư: ...

I. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Vốn kế hoạch được giao	Vốn đã giải ngân
	Tổng cộng			
1	Vốn đầu tư công			
1.1	Vốn ngân sách nhà nước			
	- Vốn ngân sách trung ương (ghi chi tiết vốn) + Vốn... + Vốn... - Vốn ngân sách địa phương			
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công			

	<i>lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</i>			
2	Vốn khác (nếu có):			
2.1	Vốn...			
2.2	Vốn...			

II. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị đề nghị quyết toán tăng (+), giảm (-) so với tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số			
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi phí khác			
7	Dự phòng			

III. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Số	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
	Tổng số	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	
2	Tài sản ngắn hạn	

IV. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:
- Chi phí không tạo nên tài sản:

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Thuận lợi, khó khăn:
- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được phê duyệt:
 - + Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi chủ đầu tư, đấu thầu, vốn đầu tư, tổng mức đầu tư.
 - + Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, dự toán được phê duyệt.
 - + Những thay đổi về các nội dung chi phí đã thực hiện.
 - + Thay đổi khác.

2. Nhận xét, đánh giá thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý dự án theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thực hiện dự án.

- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3. Kiến nghị để giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án (nếu có):

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN

Số TT	Tên văn bản	Số, ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	Các văn bản pháp lý			
1 ...				
2 ...				
3 ...				
II	Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng (nếu có)			
1 ...				
2 ...				
3 ...				
III	Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kiểm tra, kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật (Trường hợp không có thì phải ghi cụ thể là "không có")			
1 ...				
2 ...				
3 ...				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày... tháng... năm ...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

	Vốn....										
	Vốn....										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát, thanh toán:

1. Nhận xét về việc chấp hành các quy định của nhà nước liên quan đến giải ngân, quyết toán:...
2. Giải thích nguyên nhân chênh lệch số liệu (nếu có):...
3. Kiến nghị: ...

Ngày... tháng... năm....

CHỦ ĐẦU TƯ

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ
tên)

Ngày... tháng... năm ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
KIỂM SOÁT, THANH
TOÁN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đối chiếu chi tiết vốn đã giải ngân đến thời điểm khóa sổ để lập báo cáo quyết toán của dự án. Trường hợp dự án có nhiều cơ quan kiểm soát, thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm đối chiếu số liệu với từng cơ quan để tổng hợp báo cáo quyết toán của dự án

Mẫu số 04/QTDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỦ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHI TIẾT CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN***Đơn vị: đồng*

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) hoặc dự toán (công trình, hạng mục công trình) độc lập được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Dự toán (Tổng dự toán) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân tăng, giảm
1	2	3	4	5	6
Tổng số					
I	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư				
1	...				
...					
II	Xây dựng				
1	...				
...					
III	Thiết bị				
1	...				
....					
IV	Quản lý dự án				
V	Tư vấn				
1				
....					
VI	Chi phí khác				

1				
....					
VII	Dự phòng				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tại cột 6 chủ đầu tư căn cứ các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, thanh tra, kiểm toán và các quy định khác của pháp luật liên quan đến thực hiện dự án để ghi rõ nguyên nhân tăng, giảm của cột 5 so với cột 3, 4 (chủ đầu tư ghi trực tiếp vào mẫu biểu hoặc lập thành Phụ lục riêng để ghi nội dung này)

Đơn vị:
Địa chỉ:
Mã đơn vị có QHNS:

Mẫu số C41 – BB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI
Ngày tháng năm 2022

Số CTGS:
Số:
Nợ:
Có:

Họ, tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền: đồng.

Viết bằng chữ:/.

Kèm theo: Chứng từ kế toán.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):/.

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Ngàythángnăm 20.....

Người nhận
(Ký, họ tên)

Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					
Nơi đi:..... Nơi đến					

- Vé người.....vé x.....đ =đ
- Vé cước vé x.....đ =đ
- Phụ phí lấy vé bằng điện thoại..... vé x.....đ =đ
- Phòng nghỉ.....vé x.....đ =đ
- 1- Phụ cấp đi đường: cộng.....đ
- 2- Phụ cấp lưu trú.....đ
- Tổng cộng ngày công tác:.....đ

Duyệt
Thời gian lưu trú được
hưởng phụ cấp.....ngày

Người đi công tác
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Duyệt
Số tiền được thanh toán là:.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC
Về việc xác minh, truy bắt, vận động ĐTTN ra đầu thú

Kính gửi:⁽¹⁾.....

.....⁽²⁾..... thành lập Tổ công tác gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đ/c.....⁽³⁾.....

2. Đ/c.....⁽³⁾.....

Tiến hành lập kế hoạch xác minh, truy bắt, vận động ĐTTN ra đầu thú đối với đối tượng:

Họ và tên:⁽⁴⁾.....

Nơi ĐKTT:.....⁽⁴⁾.....

Quyết định (lệnh) truy nã số...⁽⁴⁾... ngày...⁽⁴⁾... của...⁽⁴⁾.....

Đã có hành vi:⁽⁴⁾.....

Tính chất hành vi của đối tượng:⁽⁴⁾.....

- Tổ công tác trực tiếp đến địa bàn.....⁽⁵⁾..... để xác minh, truy bắt, vận động ĐTTN ra đầu thú đối tượng trên.

- Tuyển chọn và xây dựng cơ sở quần chúng phục vụ công tác xác minh, truy bắt, vận động ĐTTN ra đầu thú.

- Khi phát hiện đối tượng, Tổ công tác sẽ phối hợp với Công an địa phương tổ chức truy bắt đối tượng đúng pháp luật.

- Thời gian thực hiện kế hoạch:.....⁽⁶⁾.....

- Phương tiện:.....

- Công cụ hỗ trợ:.....

Kính báo cáo đồng chí duyệt để Tổ công tác triển khai thực hiện./.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ⁽¹⁾

(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ LẬP KẾ HOẠCH

(1) Lãnh đạo đơn vị đề nghị thanh toán

(2) Tên đơn vị đề nghị thanh toán

(3) Họ tên, chức vụ của cán bộ tham gia kế hoạch

(4) Thông tin của đối tượng (ghi như trên Quyết định/Lệnh truy nã)

(5) Tên địa phương đến để xác minh/truy bắt/vận động ĐTTN ra đầu thú

(6) Ghi rõ khoảng thời gian công tác (từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐTN-

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH TRUY NÃ ⁽¹⁾

Ảnh 4 x 6

(Nếu có)

Căn cứ ⁽³⁾:

Căn cứ Điều 36 và Điều: của Bộ luật Tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH:

Truy nã đối với: Giới tính:

Tên gọi khác:

Sinh ngày..... tháng..... năm..... tại:

Quốc tịch:.....; Dân tộc:.....; Tôn giáo:

Nghề nghiệp:

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu:

cấp ngày..... tháng..... năm..... Nơi cấp:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú:

Nơi ở hiện tại:

Họ tên bố: Họ tên mẹ:

Đặc điểm nhận dạng: - Chiều cao..... - Màu da..... - Tóc

- Lông mày..... - Sóng mũi..... - Dái tai..... - Mắt

Đặc điểm khác:

Tội danh bị khởi tố/truy tố/xét xử ⁽⁴⁾:

quy định tại Điều Bộ luật Hình sự, trốn ngày..... tháng năm....., chỗ ở trước khi

trốn:

Bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người đang bị truy nã đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Sau khi bắt hoặc tiếp nhận đối tượng truy nã phải báo ngay cho

Địa chỉ: Điện thoại:

Nơi nhận:

- VKS/TA.....
- Cục QLXNC, Phòng QLXNC.....
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh (TP).....
- Cơ quan hồ sơ
- Công an cấp huyện
- Công an cấp xã.....
-
- Hồ sơ 02 bản.

(1) Sử dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự;
(2) Chức danh tư pháp của người ký ban hành văn bản;
(3) Trong giai đoạn điều tra: căn cứ Quyết định khởi tố bị can; sau khi xác minh kết luận bị can trốn hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu; Điều 231 BLTTHS. Trong giai đoạn truy tố, xét xử: căn cứ Công văn yêu cầu truy nã của VKS/TA; Điều 42, 236, 290 BLTTHS.
(4) Trường hợp người bị truy nã phạm nhiều tội thì ghi đầy đủ các tội danh.
Ghi chú: Quyết định truy nã được thông báo công khai để mọi người phát hiện, bắt người bị truy nã.

BỘ CÔNG AN
ĐƠN VỊ.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

BẢNG KÊ NGÀY CÔNG
...⁽¹⁾... và đề xuất chi bồi dưỡng

Kính gửi:

-⁽²⁾.....;
-⁽³⁾.....

Thực hiện Kế hoạch đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt về việc.....⁽¹⁾..... đối với đối tượng:

Họ và tên:⁽⁴⁾.....

Nơi ĐKTT:⁽⁴⁾.....

Quyết định (lệnh) truy nã số...⁽⁴⁾... ngày.....⁽⁴⁾... của.....⁽⁴⁾.....

Đã có hành vi:⁽⁴⁾.....

Tính chất hành vi của đối tượng:⁽⁴⁾.....

Những cán bộ đã tham gia thực hiện kế hoạch gồm:

Số TT	Họ và tên cán bộ	Đơn vị	Thời gian tham gia	Số ngày công	Mức tiền/ngày	Thành tiền	Ký nhận

Tổng cộng:..... (Bằng chữ:.....)

Kính đề nghị đồng chí duyệt chi hỗ trợ kinh phí truy nã./.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ⁽⁵⁾
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ LẬP BẢNG KÊ

(1) Chọn 1 trong 3 trường hợp: Bắt/Vận động đầu thú/Xác minh đối tượng truy nã

(2) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi

(3) Lãnh đạo đơn vị thẩm định

(4) Thông tin của đối tượng (ghi như trên Quyết định/Lệnh truy nã)

(5) Lãnh đạo đơn vị đề nghị thanh toán

BỘ CÔNG AN
ĐƠN VỊ.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Chi tiền thưởng bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã

.....⁽²⁾.....

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BCA ngày của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí truy nã trong Công an nhân dân;

Căn cứ kết quả.....⁽³⁾..... và đề nghị chi hỗ trợ kinh phí truy nã của⁽⁴⁾.... đối với đối tượng truy nã.....⁽⁵⁾.....;

Xét đề nghị của đồng chí⁽⁶⁾.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích số tiền:.....(Bằng chữ:) trong nguồn kinh phí truy nã Bộ cấp cho....⁽¹⁾..... để chi thưởng cho đồng chí.....⁽⁷⁾..... đã có thành tích xuất sắc trong việc....⁽³⁾....đối tượng truy nã.

Điều 2. Các đồng chí⁽⁶⁾....,⁽⁸⁾....,⁽⁹⁾... và đồng chí ...⁽⁷⁾... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu:⁽¹⁰⁾.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ⁽¹¹⁾
(Ký tên, đóng dấu)

- (1) Tên đơn vị được quyền duyệt chi (Công an tỉnh/thành phố/Cục...)
- (2) Chức vụ của đồng chí lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi (Giám đốc Công an tỉnh/thành phố... hoặc Cục trưởng...)
- (3) Truy bắt/Vận động đầu thú
- (4) Tên đơn vị thực hiện xác minh truy bắt, vận động đầu thú
- (5) Thông tin ĐTTN như trên Quyết định/Lệnh truy nã (Họ tên, Loại, Cơ quan ra quyết định, số, ngày, tháng, năm ra quyết định/lệnh truy nã)
- (6) Lãnh đạo đơn vị đề nghị thanh toán
- (7) Họ tên, cấp bậc, chức vụ của cán bộ được đề nghị khen thưởng
- (8) Lãnh đạo Phòng Hậu cần (hoặc Phòng Tài chính)
- (9) Lãnh đạo đơn vị có cán bộ được đề nghị khen thưởng
- (10) Tên đơn vị soạn thảo quyết định
- (11) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO
Kết quả ...⁽¹⁾... và đề nghị chi hỗ trợ kinh phí truy nã

Kính gửi:

-⁽²⁾.....;
-⁽³⁾.....

Thực hiện Kế hoạch đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt về việc...⁽¹⁾..... đối với
đối tượng:

Họ và tên:⁽⁴⁾.....

Nơi ĐKTT:.....⁽⁴⁾.....

Quyết định (lệnh) truy nã số...⁽⁴⁾... ngày...⁽⁴⁾... của.....⁽⁴⁾.....

Đã có hành vi:.....⁽⁴⁾.....

Tính chất hành vi của đối tượng (thường, nguy hiểm, đặc biệt nguy
hiểm):.....⁽⁵⁾.....

Trong quá trình⁽¹⁾....., chúng tôi đã chi các khoản:

1. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ (có phiếu đề xuất chi kèm theo)

Số tiền:..... (Bằng chữ:.....)

2. Chi bồi dưỡng cho cán bộ xác minh (có phiếu đề xuất chi kèm theo)

Số tiền:..... (Bằng chữ:.....)

3. Chi thưởng khi bắt/vận động đầu thú được đối tượng theo quy định (có Quyết
định chi thưởng kèm theo)

Số tiền:..... (Bằng chữ:.....)

Tổng cộng số tiền đã chi:..... (Bằng chữ:.....)

⁽⁶⁾..... kính báo cáo đồng chí duyệt chi hỗ trợ kinh phí truy nã./.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

**LÃNH ĐẠO CẤP PHÒNG,
QUẬN, HUYỆN**

CÁN BỘ BÁO CÁO

(1) Chọn 1 trong 3 trường hợp: Bắt/Vận động đầu thú/Xác minh đối tượng truy nã

(2) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi

(3) Lãnh đạo đơn vị thẩm định

(4) Thông tin đối tượng (ghi như trên Quyết định/Lệnh truy nã)

(5) Tóm tắt quá trình xác minh, truy bắt, vận động ĐTTN ra đầu thú

(6) Tên đơn vị đề nghị thanh toán

(7) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU ĐỀ XUẤT
Chi kinh phí truy nã

Kính gửi:

-⁽¹⁾.....;

-⁽²⁾.....

Thực hiện Kế hoạch đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt về việc.....⁽³⁾..... đối với đối tượng:

Họ và tên:⁽⁴⁾.....

Nơi ĐKTT:.....⁽⁴⁾.....

Quyết định (lệnh) truy nã số...⁽⁴⁾... ngày...⁽⁴⁾... của.....⁽⁴⁾.....

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tôi: ⁽⁵⁾..... đã chi các nội dung sau:

1.⁽⁶⁾.....

2.⁽⁶⁾.....

Tổng số tiền đã chi: (Bằng chữ:.....)

Kính đề nghị đồng chí duyệt chi hỗ trợ kinh phí truy nã./.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ ĐỀ XUẤT

- (1) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi
- (2) Lãnh đạo đơn vị thẩm định
- (3) Chọn 1 trong 3 trường hợp: Bắt/Vận động đầu thú/Xác minh đối tượng truy nã
- (4) Thông tin của đối tượng (ghi như trên Quyết định/Lệnh truy nã)
- (5) Tên cán bộ đề xuất
- (6) Ghi rõ nội dung chi, số tiền chi, kèm hóa đơn, chứng từ
- (7) Lãnh đạo đơn vị đề nghị thanh toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU ĐỀ XUẤT
Chi cho các hoạt động nghiệp vụ phục vụ ...⁽¹⁾...

Kính gửi: -⁽²⁾.....;
-⁽³⁾.....

Thực hiện Kế hoạch đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt về việc.....⁽¹⁾..... đối với đối tượng:

Họ và tên:⁽⁴⁾.....

Nơi ĐKTT:.....⁽⁴⁾.....

Quyết định (lệnh) truy nã số...⁽⁴⁾... ngày...⁽⁴⁾... của.....⁽⁴⁾.....

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tôi:⁽⁵⁾.....
đã sử dụng cơ sở quần chúng vào việc theo dõi, giám sát, phát hiện và tham gia
.....⁽¹⁾.....

Họ tên cơ sở quần chúng:.....

Địa chỉ:.....

Số tiền đã chi cho cơ sở quần chúng là:.....

(Bằng chữ:.....)

(Có giấy biên nhận và các chứng từ kèm theo)

Bao gồm:

1. Trả thù lao từ ngày..... đến ngày..... (tổng cộng:..... Ngày)

Mức thù lao ngày công là/ngày (Bằng chữ:.....)

Thành tiền:..... (Bằng chữ:.....)

2. Thuê phương tiện:..... (Bằng chữ:.....)

3. Thông tin liên lạc:..... (Bằng chữ:.....)

4. Thưởng cho quần chúng nhân dân đã phát hiện hoặc vận động đối tượng truy nã ra đầu thú:..... (Bằng chữ:.....)

5. Chi khác:..... (Bằng chữ:.....)

Kính đề nghị đồng chí duyệt chi hỗ trợ kinh phí truy nã./.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ⁽⁶⁾
(Ký tên, đóng dấu)

CÁN BỘ ĐỀ XUẤT

(1) Chọn 1 trong 3 trường hợp: Bắt/Vận động đầu thú/ Xác minh đối tượng truy nã

(2) Lãnh đạo đơn vị được quyền duyệt chi

(3) Lãnh đạo đơn vị thẩm định

(4) Thông tin của đối tượng (ghi như trên Quyết định/Lệnh truy nã)

(5) Tên cán bộ đề xuất

(6) Lãnh đạo đơn vị đề nghị thanh toán

Đơn vị:.....
Mã QHNS:.....

Mẫu số C41 - BB
(Ban hành kèm theo Thông tư 107/2017/TT- BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngàythángnăm

Số :.....

Quyển số :.....

Nợ :.....

Có :.....

Họ, tên người nhận tiền:.....

Địa chỉ:.....

Nội dung:.....

Số tiền:.....

(Viết bằng chữ):.....

Kèm theo Chứng từ kế toán

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: - Bằng số:.....
- Bằng chữ:

Ngày tháng năm

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Đơn vị:.....

Mẫu số C42 - HD

Mã QHNS:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày tháng năm

Kính gửi :.....

Tên tôi là :.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ) :.....

Đề nghị cho tạm ứng số tiền :.....(Viết bằng chữ).....

Lý do tạm ứng :.....

Thời hạn thanh toán :.....

Thủ trưởng đơn vị
Duyệt tạm ứng:.....
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người đề nghị
(Ký, họ tên)